

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng
 Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
 Tổ Ngữ văn, KHGD: Bài 5: Tiếng cười của hài kịch, khối 12
 GV: Đoàn Thị Bích Hà
 Ngày soạn 25/11/2025
 Ngày dạy: Tuần 15-18
 Tiết 44, 45,46,47,52,53,54

BÀI 5. TIẾNG CƯỜI TRONG HÀI KỊCH

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Nhân vật quan trọng* (Trích *Quan thanh tra* – Ni-cô-lai Gô-gôn)

VB2: *Giấu của* (Trích *Quần* – Lộng Chương)

Thực hành đọc: *Cẩn thận hão* (Trích *Thợ cạo thành Xê-vin* – Bô-mác-se)

2. Viết: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

3. Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 7 tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Bài học góp phần phát triển năng lực chung. - Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn. - Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i>. - HS biết đọc hiểu văn bản thuộc thể loại hài kịch + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... + Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội. - HS biết viết viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.

	- HS biết trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (dưới hình thức thuyết trình) về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
II. PHẨM CHẤT Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết rèn luyện đạo đức lối sống lành mạnh; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên. HS ý thức được cách phòng chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực.	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Các video tư liệu về tiểu thuyết, văn bản đọc hiểu.
- Bài giảng điện tử.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:..44,45

VĂN BẢN 1: NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

(Trích *Quan thanh tra*)

Ni-cô-lai Gô-gôn (Nikolai Gogol)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một văn bản hài kịch theo đặc trưng thể loại cho học sinh.
- + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... qua văn bản *Nhân vật quan trọng*.
- + Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Nhân vật quan trọng* để đọc hiểu hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

2. Phẩm chất:

Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết rèn luyện đạo đức lối sống lành mạnh; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:**

- Kết nối tri thức cũ.
- Tạo hứng thú.
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. **Nội dung hoạt động:** Xem các trích đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu: Các em hãy xem trích đoạn sân khấu sau và cho biết trích đoạn đó được chuyển thể từ tác phẩm nào? do ai sáng tác? thuộc thể loại gì? https://youtu.be/cDWeJG3fQIE Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS xem video, đưa ra câu trả lời. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đưa ra câu trả lời. Trích đoạn trong vở kịch <i>Quan thanh tra</i>: Tác phẩm <i>Quan thanh tra</i>, Gô-gôn, Hài kịch. - GV gợi mở vấn đề: vở hài kịch <i>Quan thanh tra</i> là những tác phẩm nổi tiếng của nhà viết kịch Gô-gôn. Qua trích đoạn video vừa xem, em hãy chia sẻ một vài cảm nhận của bản thân về nhân vật quan thanh tra. - HS chia sẻ cảm nhận bản thân. - GV dẫn vào bài: Thạch Lam từng khẳng định “<i>Văn chương không phải là một cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên; trái lại, văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có để tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người trong sạch và phong phú hơn</i>” và vì thế những vở hài kịch không chỉ đơn thuần mang đến cho người đọc, người xem những tiếng cười phê phán những thói xấu của con người mà còn gửi gắm những thông điệp, những triết lý nhân sinh sâu sắc. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ đến với những vở hài kịch nổi tiếng của văn học cổ điển thế giới qua	- Trích đoạn trong vở kịch <i>Quan thanh tra</i>: Tác phẩm <i>Quan thanh tra</i>, Gô-gôn, Hài kịch. - HS chia sẻ.

Bài 5. Tiếng cười của hài kịch , với văn bản đầu tiên: <i>Nhân vật quan trọng</i> (Trích <i>Quan thanh tra</i>) của Gô-gôn.	
--	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về thể loại hài kịch

b. Nội dung hoạt động: Cuộc thi “*Tìm nhà nghiên cứu kịch tương lai*”

c. Sản phẩm: Câu trả lời chính xác của các đội chơi.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm										
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: + Cuộc thi “<i>Tìm nhà nghiên cứu kịch tương lai</i>” + Luật chơi: Mỗi bàn là một đội. Trong thời gian 2 phút, dựa vào kiến thức đã học và phần kiến thức Ngữ văn trong SGK trang 130-132, chọn các số thẻ kiến thức, điền vào ô tương ứng trong bảng Thẻ loại kịch.	I. Tri thức Ngữ văn Thẻ loại hài kịch <table><tr><th>Các yếu tố của kịch</th><th>Hài kịch</th></tr><tr><td>Khái niệm</td><td>Là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cỡm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng.</td></tr><tr><td>Cốt truyện</td><td> - Cốt truyện được triển khai theo các hướng khác nhau tùy theo tính chất của tiếng cười nhằm vào đối tượng. - Sử dụng tiếng cười để phủ nhận “những thiếu sót không nên có”, từ đó thay đổi cách nhìn của người đọc, khẳng định lối sống lành mạnh, hợp với lẽ phải và tiến bộ xã hội. </td></tr><tr><td>Kết cấu văn bản kịch</td><td>Kết cấu được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: mở đầu - thắt nút - giải quyết xung đột.</td></tr><tr><td>Tình huống kịch</td><td>Tính huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với</td></tr></table>	Các yếu tố của kịch	Hài kịch	Khái niệm	Là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cỡm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng.	Cốt truyện	- Cốt truyện được triển khai theo các hướng khác nhau tùy theo tính chất của tiếng cười nhằm vào đối tượng. - Sử dụng tiếng cười để phủ nhận “những thiếu sót không nên có”, từ đó thay đổi cách nhìn của người đọc, khẳng định lối sống lành mạnh, hợp với lẽ phải và tiến bộ xã hội.	Kết cấu văn bản kịch	Kết cấu được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: mở đầu - thắt nút - giải quyết xung đột.	Tình huống kịch	Tính huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với
Các yếu tố của kịch	Hài kịch										
Khái niệm	Là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cỡm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng.										
Cốt truyện	- Cốt truyện được triển khai theo các hướng khác nhau tùy theo tính chất của tiếng cười nhằm vào đối tượng. - Sử dụng tiếng cười để phủ nhận “những thiếu sót không nên có”, từ đó thay đổi cách nhìn của người đọc, khẳng định lối sống lành mạnh, hợp với lẽ phải và tiến bộ xã hội.										
Kết cấu văn bản kịch	Kết cấu được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: mở đầu - thắt nút - giải quyết xung đột.										
Tình huống kịch	Tính huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với										

THẺ LOẠI KỊCH		
Các yếu tố của kịch	Bì kịch	Hài kịch
Khái niệm		
Cốt truyện		
Kết cấu văn bản kịch		
Tình huống kịch		
Xung đột kịch		
Hành động kịch		
Nhân vật kịch		
Ngôn ngữ kịch		
Thủ pháp nghệ thuật		

Thẻ kiến thức

1. Hành động bên ngoài, những toan tính, mưu mô của nhân vật đều bộc lộ hết ra lời, hướng tới tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật.

2. Nhân vật có phẩm chất, năng lực vượt trội, có khát vọng và lí tưởng đẹp đẽ nhưng phải đối đầu với mâu thuẫn, xung đột không thể hóa giải và phải chấp nhận thất bại hoặc cái chết.		những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười; cũng có khi là tình huống hiểu lầm, trớ trêu, dở khóc, dở cười, song không bi đát và luôn được giải quyết tốt đẹp.
3. Xung đột giữa khát vọng đẹp đẽ của nhân vật với tình trạng không thể thực hiện được điều đó trong thực tiễn.	Xung đột kịch	Xung đột được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức, lẽ phải với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội.
4. Xung đột nằm trong chính nhân vật. Xung đột giữa vẻ đẹp khát vọng và những sai lạc trong nội tâm nhân vật, khiến nhân vật phải chấp nhận thất bại hoặc cái chết.	Hành động kịch	Hành động bên ngoài, những toan tính, mưu mô của nhân vật đều bộc lộ hết ra lời, hướng tới tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật.
5. Ngôn ngữ bao gồm đối thoại, độc thoại, chỉ dẫn sân khấu. Để tạo ra tiếng cười, tác giả sử dụng ngôn ngữ gắn với đời sống và các biện pháp như: chơi chữ, nói lái, nói quá, nói lỡ, cường điệu, tương phản,...	Nhân vật kịch	Nhân vật tiêu biểu cho một thói tật đáng cười, đáng phê phán, hoặc nhân vật thường xuyên làm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với thực tế.
6. Sử dụng tiếng cười để phủ nhận “những thiếu sót không nên có”, từ đó thay đổi cách nhìn của người đọc, khẳng định lối sống lành mạnh, hợp với lẽ phải và tiến bộ xã hội.	Ngôn ngữ kịch	Ngôn ngữ bao gồm đối thoại, độc thoại, chỉ dẫn sân khấu. Để tạo ra tiếng cười, tác giả sử dụng ngôn ngữ gắn với đời sống và các biện pháp như: chơi chữ, nói lái, nói quá, nói lỡ, cường điệu, tương phản,...
7. Tính huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười; cũng có khi là tình huống hiểu lầm, trớ trêu, dở khóc, dở cười, song không bi đát và luôn được giải quyết tốt đẹp.	Thủ pháp trào phúng	Thủ pháp trào phúng thường được sử dụng, gồm: tạo tình huống hiểu lầm hài hước; phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật;
8. Xung đột được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức, lẽ phải với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội.		
9. Nhân vật tiêu biểu cho một thói tật đáng cười, đáng phê phán, hoặc nhân vật thường xuyên làm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với thực tế.		

10. Kết cấu được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: mở đầu - thắt nút - giải quyết xung đột.

11. Thủ pháp trào phúng thường được sử dụng, gồm: tạo tình huống hiểu lầm hài hước; phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật; tạo tương phản gây cười, ...

12. Cốt truyện đơn tuyến, thường là một chuỗi các sự kiện dẫn đến những tổn thất, đau thương cho cuộc đời của nhân vật chính từ đỉnh cao danh vọng, quyền uy, hạnh phúc cho đến cái chết hoặc sự mất mát.

13. Cốt truyện được triển khai theo các hướng khác nhau tùy theo tính chất của tiếng cười nhằm vào đối tượng.

14. Là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cỡm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng.

15. Là thể loại kịch tập trung khai thác những xung đột gay gắt giữa khát vọng cao đẹp của con người với tình thế bi đát của thực tại, dẫn tới kết thúc bi thảm bằng cái chết của nhân vật.

Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo:

- HS làm việc theo bàn, đưa ra câu trả lời.
- GV gọi 2 đội xong đầu tiên trình bày kết quả.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức

Các yếu tố của kịch	Bi kịch	Hài kịch
Khái niệm	15	14
Cốt truyện	12	13, 6

Kết cấu văn bản kịch		10	
Tình huống kịch		7	
Xung đột kịch	3,4	8	
Hành động kịch		1	
Nhân vật kịch	2	9	
Ngôn ngữ kịch		5	
Thủ pháp nghệ thuật		11	

2.2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Gô-gôn, tác phẩm *Quan thanh tra* và đoạn trích *Nhân vật quan trọng*.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, bảng kiến thức...

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu chung về tác giả. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Xem video (từ 0.33p) https://youtu.be/w_rP8IDJFH4 kết hợp với đọc SGK trang 138,139, hãy trình bày những hiểu biết của em về tác giả Ni-cô-lai Gô-gôn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc, xem video và thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm. HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức	II. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả  Ni-cô-lai Gô-gôn (1809-1852) - Ni-cô-lai Gô-gôn (1809-1852) là nhà văn, nhà soạn kịch nổi tiếng của văn học Nga nửa đầu thế kỉ XIX. - Tác phẩm hiện thực của Gô-gôn thể hiện con mê sảng của thực tại đương thời với những hình tượng con người bị đồ vật hóa, thảm hại, trống rỗng,...; giọng văn trào phúng thể hiện thái độ phủ nhận thực tại nhố nhăng đương thời và đau đáu niềm hi vọng vào một thực tại khác xứng đáng hơn với cuộc sống con người. - Các tác phẩm tiêu biểu: <i>Người tù binh Kavkaz</i> (truyện ngắn); <i>Nhật ký một người điên</i> (truyện ngắn); <i>Cái mũi</i> (truyện ngắn); <i>Quan</i>

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung về tác phẩm Quan thanh tra, đoạn trích “Nhân vật quan trọng”.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV gọi 1 HS đọc phần tóm tắt vở kịch “Quan thanh tra”.
- GV phân vai cho HS đọc đoạn trích “Nhân vật quan trọng”.
- GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thành bảng kiến thức sau:

Phương diện tìm hiểu	Câu trả lời
Thời gian sáng tác vở kịch	
Vị trí của vở kịch	
Kết cấu của vở kịch	
Xung đột kịch	
Vị trí của đoạn trích “Nhân vật quan trọng”	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Hs thực hiện nhiệm vụ theo nhóm
GV quan sát và giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện 01 nhóm trả lời; gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. Đánh giá, kết luận

- GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.

thanh tra (hài kịch); *Chiếc áo khoác* (truyện ngắn); *Những linh hồn chết* (tiểu thuyết),...

2. Vở kịch Quan thanh tra

- **Thời điểm sáng tác:** Viết năm 1835 và xuất bản năm 1836, dựa trên cơ sở một giai thoại do Pu-skin gợi ý.
- **Vị trí:** Vở hài kịch là một đỉnh cao trong sự nghiệp sáng tác của Gô-gôn và ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của sân khấu hài kịch.
- **Kết cấu:** Gồm 5 hồi.

Kết cấu hài kịch “Quan thanh tra”		
Tiến trình vở kịch	Kết cấu/ Phần	Nội dung
Mở đầu	Hồi I	Thị trưởng thông báo về việc quan thanh tra có thể đã tới thị trấn và nỗi lo sợ của cả đám quan chức trước tin này.
Thắt nút	Hồi II	Đám quan chức nhận làm Khơ-lét-xta-cốp là quan thanh tra.
Triển khai	Hồi III, IV	Khơ-lét-xta-cốp hồn nhiên nhập vai quan thanh tra; Khơ-lét-xta-cốp thoát đầu còn sừng sùng vay tiền đám quan chức, tiến tới đòi hỏi, quát nạt để ăn hối lộ công khai cả của người bị hiếp đáp, tận dụng cơ hội để tán tỉnh cả vợ lẫn con gái thị trưởng, cầu hôn với con gái thị trưởng, rồi cao chạy xa bay.
Đỉnh điểm	Lớp 1-7, hồi V	Thị trưởng vênh váo, ra oai với đám dưới quyền, say sưa trong

			ảo tưởng con gái mình sẽ kết hôn với “quan lớn” thanh tra.
	Kết thúc	Lớp 8, hồi V	Chủ sự bưng vù đọc trộm thư, phát hiện ra Khor-lét-xta-cốp không phải là quan thanh tra, một viên hiến binh thành lính xuất hiện, tuyên bố: quan thanh tra đích thực vừa mới đến thành phố; cả bọn òa ra như hoá đá.

- **Xung đột:** Mâu thuẫn giữa những toan tính, ảo tưởng trong cuộc sống tẻ nhạt, trống rỗng của các nhân vật với hoàn cảnh thực tế.
=> Nét đặc sắc của kết cấu và xung đột trong hài kịch *Quan thanh tra*: Tổ chức vở kịch xoay quanh thói khoác lác, ảo tưởng của Khor-lét-xta-cốp. Nó trở thành điểm hội tụ tất cả những sự tẻ nhạt của toàn bộ đám quan chức, trưởng giả trong thị trấn.

3. Đoạn trích Nhân vật quan trọng

- Trích từ lớp VI, hồi III của vở hài kịch “Quan thanh tra”.

- Là một trong những lớp kịch đặc sắc nhất của vở kịch.

2.3: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu thể loại hài kịch:

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... qua văn bản *Nhân vật quan trọng*.

b. Nội dung hoạt động: Tập trung làm rõ các vấn đề như: Bối cảnh, tình huống và hành động kịch, nhân vật và thủ pháp trào phúng.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của các nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Thảo luận theo kĩ thuật mảnh ghép:	III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. “Nhân vật quan trọng” – lớp kịch mẫu mực a. Tình huống và hành động kịch - Bối cảnh cụ thể của lớp kịch: + Khor-lét-xta-cốp vốn là nhân viên thư kí quèn, từng sống chui lủi để trốn tiền nợ, rời khỏi thủ đô



VÒNG 1: Nhóm chuyên gia:

- GV chia lớp thành 04 nhóm (như trên).
 - Thảo luận nhóm trong thời gian 5 phút để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm mình.
- Cụ thể như sau:

Nhóm 1

Tìm hiểu tình huống và hành động kịch

1. Xác định bối cảnh cụ thể của lớp kịch.
2. Chỉ ra tình huống kịch.
3. Phân tích đặc điểm của hành động kịch.

Nhóm 2

Tìm hiểu nhân vật kịch

1. Xác định hoàn cảnh thực tế của nhân vật Khor-lét-xta-cốp.
2. Chỉ ra những lời loại thể hiện sự khoe khoang của nhân vật Khor-lét-xta-cốp về cuộc sống “thượng lưu” của mình. Từ đó, nhận xét về thái độ sống của nhân vật.
3. Hãy lí giải xem nhân vật Khor-lét-xta-cốp đáng cười ở điểm nào?

Nhóm 3

Tìm hiểu nhân vật kịch

1. Thị trưởng cùng viên kiểm học Luca Lu-kích, trưởng viện tế bào Ác-tê-mi Phi-líp-pô-vích thực chất là người thế nào? Các nhân vật này thể hiện thái độ gì trước sự khoe khoang, ra oai của Khor-lét-xta-cốp? Vì sao, các nhân vật này lại có thái độ đó?
2. Tìm những lời thoại thể hiện sự nịnh nọt của nhân vật An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na với Khor-lét-

về tỉnh lẻ. Đám quan chức nhận nhầm Khor-lét-xta-cốp là quan thanh tra, đưa anh ta rời khỏi quán trọ, tới thăm thú, tiệc tùng ở viện tế bào.

- + Sau đó, họ đưa anh ta chuyển tới ở tại nhà thị trưởng, tránh không cho tiếp xúc với dân chúng. Tại đây, anh ta tận hưởng mọi sự thết đãi, “khoe mẽ” với vợ và con gái thị trưởng, được đà khoác lác như thể mình thực sự là một nhân vật vô cùng quan trọng từ thủ đô tới.
- + Lớp kịch diễn ra tại phòng khách nhà thị trưởng.

- **Tình huống trào phúng:** Nhận nhầm quan thanh tra.

- **Hành động kịch:**

+ Nhân vật Khor-lét-xta-cốp: Được nhận nhầm là quan thanh tra, đón nhận sự cung phụng như một lẽ tự nhiên, say sưa khoe lác tới mức làm tưởng mình chính là nhân vật quan trọng, ăn hối lộ, công khai tán tỉnh vợ, con gái thị trưởng, hứa hôn với con gái thị trưởng.

+ Quan chức địa phương: Nhận nhầm Khor-lét-xta-cốp là quan thanh tra, cung phụng anh ta, lợi dụng cơ hội cầu thân, ra oai với kẻ dưới trong ảo vọng thay đổi danh vị.

+ Tầng lớp trưởng giả (vợ và con gái thị trưởng): Nhận nhầm Khor-lét-xta-cốp là nhân vật quyền thế, sang trọng; đồng đưa cầu thân để làm sang.
=> Từ mâu thuẫn giữa danh vị xã hội của các nhân vật với thực chất cuộc sống tẻ nhạt, trống rỗng của họ, từ nỗi lo sợ bị lật tẩy dẫn họ đến sự lầm lẫn.

=> Cách ứng xử, hành động của các nhân vật chuyển hoá dần từ chỗ ứng phó, che đậy thực chất sang trạng thái say sưa trong ảo vọng, để cuối cùng vỡ mộng trong nỗi lo sợ khi quan thanh tra thật xuất hiện.

b. Nhân vật hài kịch

* Nhân vật Khor-lét-xta-cốp

Hoàn cảnh thực tế	Ảo tưởng về “cuộc sống thượng lưu”	Thái độ sống
Vốn là nhân viên thư kí quèn, “đoảng	- “Có lẽ bà tưởng tôi là một anh chàng thư kí nhàn nhàn? Không, quan vụ	- Khinh bỉ thân phận thư kí quèn

xta-cốp. Mục đích của hai nhân vật này là gì? 3. Nhân vật An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na đóng vai trò gì trong việc tạo ra tiếng cười trong đoạn trích?.	vị, không được việc gì” tại văn phòng của một vụ ở Pê-téc-bua.		trưởng là bạn thân với tôi đấy. Ngài vỗ vai tôi thế này, nói: “Người anh em, lại đằng nhà ăn với mình!”. Mỗi ngày tôi chỉ đến vụ có hai phút, đủ để ra lệnh làm như thế này, làm như thế kia! Ở đấy đã có một công chức... tất cả công văn cho tôi” - “Họ nói: “I-van A-lếch-xan-đrô-vích, xin mời ông ra điều khiển vụ ngay”, “Chỉ mai kia là tôi sẽ được thăng hàm đại thống”...	của chính mình như một con người nhỏ bé. - Thán phục những kẻ chỉ tay ra lệnh.
Nhóm 4. Tìm hiểu thủ pháp trào phúng và ngôn từ 1. Xác định thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng trong đoạn trích. 2. Phân tích một thủ pháp nổi bật trong số đó.	Từng phải rời khỏi thủ đô về tỉnh lẻ		- “Tôi quen sống trong cái xã hội thượng lưu [...] vậy mà bỗng phải đi đường xa: nào hàng quán bán thiếu, nào dân đen ngu dốt tới tấp...”; - “Tất nhiên ai lại so sánh thôn quê với Pê-téc-bua! Chà, Pê-téc-bua! Thực đấy, đời sống ở thủ đô sao mà...”;	Khinh bỉ cuộc sống ở tỉnh lẻ, cuộc sống ở tầng lớp dưới của chính mình và cả “dân đen ngu dốt, tới tấp”.
VÒNG 2: Nhóm mảnh ghép: Chuyển nhóm tạo thành mảnh ghép mới. - Mỗi thành viên ở nhóm mới chia sẻ kết quả đã thảo luận ở vòng 1 (chia sẻ đến khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu, được tất cả nội dung ở vòng 1) - Câu hỏi thảo luận của nhóm mảnh ghép: Nhận xét chung về nhân vật trong đoạn trích “Nhân vật quan trọng”. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. - HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công. - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện ở các nhóm mảnh ghép chia sẻ kết quả đã thảo luận ở cả vòng 1 và vòng 2. - Các HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý. - GV chuẩn hoá kiến thức.	Từng phải sống chui lủi để trốn tiền trợ.		“Bao giờ tôi cũng cố tìm cách lẩn tránh cho không ai biết mình. Nhưng không tài nào lẩn tránh được chứ lị, không biết làm cách nào!... Tôi vừa có mặt ở đâu, đã thấy có người nói: “Kìa ông I-van A-lếch-xan-đrô-vích đi kia kìa”. Có lần họ lại tưởng tôi là tổng tư lệnh. Thế là bọn lính từ trong bột vôi vàng nhảy xổ ra, bỗng súng chào. Sau đó viên sĩ quan vốn biết tôi lắm, nói với tôi rằng: “Kìa, người anh em, thế mà bọn mình cứ tưởng làm đằng ấy là tổng tư lệnh”	Khao khát trở thành người có địa vị, ai cũng biết đến.
	Từng lê la với đám “đào hát” và từng		“Tôi quen nhiều đào hát lắm. Vì tôi cũng đi xem nhiều vở ca kịch vui...Tôi thường gặp các nhà văn.	Khao khát được bằng vai phải lứa

	xem “ca kịch vui” bình dân	<i>Tôi là bạn cánh hẩu của Pu-skin. Nhiều lần tôi bảo hấn là: “Thế nào người anh em Pu-skin?”. Hấn ta trả lời: “Bình thường, người anh em ạ, vẫn như mọi khi thôi”... Hấn là con người độc đáo”.</i>	với nhà văn nổi tiếng.
	Là nhân viên thư kí quèn, bị sai làm chân chạy việc, đưa thư, báo nên có biết bập bõm vài tên bài báo, nhà văn, lẫn lộn các tác phẩm thuộc thể loại khác nhau với tên tờ báo tạp chí.	- “Tôi cũng có đăng trên tạp chí nhiều bài... tất cả đều do tôi viết.” - “Tôi chưa thơ cho tất cả bọn họ. Thằng Xmiéc-đin phải tặng tôi bốn chục nghìn rúp để tôi làm việc ấy cho nó đấy”, “Thú thật là tôi sống bằng nghề văn đấy.” - Không biết làm cách nào, họ phải cày cục tìm đến tôi. Thế là lập tức ngoài phố nhan nhản những phái viên được cử đến chỗ tôi, hết phái viên, phái viên lại phái viên,.. các ông tưởng tượng xem, có đến ba vạn năm nghìn phái viên...”	- Khinh bỉ thân phận bị sai phái, phải cầu cạnh của mình. - Khao khát trở thành người nổi tiếng được cầu cạnh. - Mong ước kiếm được nhiều tiền một cách dễ dàng.
	Là kẻ bài bạc cháy túi; từng trọ ở phòng xép tồi tàn	- “Tôi có cái nhà đẹp nhất ở Pê-téc-bua... Tôi cũng hay mở những cuộc khiêu vũ gia đình lắm”. - “Này nhé, thí dụ, trên bàn, tôi cho bày một quả dưa hấu...Chơi có thể nói là mệt lử đi như sắp chết mới thôi”. - “Mỗi khi ngủ dậy, ai mà ghé nhìn chỗ hành lang nhà tôi thì sẽ thấy lạ lắm. Bá tước, hoàng thân lúc nhúc xô đẩy nhau, nói lào xào như ong ấy, chỉ nghe thấy tiếng giề... giề... giề... Đôi khi có cả quan thượng thư...”	- Khinh bỉ thân phận chính mình phải sống chui lủi, luôn bị truy đuổi, siết nợ. - Khát khao có cơ ngơi hoành tráng, có kẻ hầu người hạ, có nhiều người cầu cạnh. - Mong muốn được tiệc tùng, ăn chơi sang trọng, đánh

			bài đánh bạc công khai cùng những nhân vật tai to mặt lớn.						
=> Khor-lét-xta-cốp khẳng định cuộc sống ước mong bằng cách đảo ngược hoàn cảnh thực tế của mình, đồng thời mô tả cuộc sống “thượng lưu” bằng cách phóng đại những gì “nghe lỏm” được lên đến mức phi lí, đầy mâu thuẫn. - Khor-lét-xta-cốp là nhân vật đáng cười vì hắn khinh bỉ thân phận hèn mọn của mình trong thực tế và ảo tưởng về cuộc sống ăn chơi của những người có địa vị trong xã hội thượng lưu. - Khor-lét-xta-cốp là nhân vật điển hình cho thói khoác lác, ảo tưởng khi phải sống cuộc sống tẻ nhạt, trống rỗng. Qua nhân vật, Gô-gôn phản ánh “thói Khor-lét-xta-cốp” đã và đang tồn tại trong xã hội Nga lúc bấy giờ. * Tầng lớp quan chức									
<table><tr><th>Nhân vật</th><th>Thực chất</th><th>Thái độ trước sự khoác lác của Khor-lét-xta-cốp</th></tr><tr><td>Thị trưởng</td><td>Công khai hà hiếp dân chúng, nhận hối lộ.</td><td>Che chắn, cung phụng, sợ hãi, dò xét quan thanh tra: “- <i>Dạ theo ngạch, bậc, chúng tôi phải đứng ạ</i>”, “<i>khúm núm</i>”, “<i>run cầm cập vì hoảng sợ</i>”, “<i>lại gần, toàn thân run cầm cập, cố gắng lấp bấp</i>”: - <i>Hừ... hừ...</i></td></tr></table>				Nhân vật	Thực chất	Thái độ trước sự khoác lác của Khor-lét-xta-cốp	Thị trưởng	Công khai hà hiếp dân chúng, nhận hối lộ.	Che chắn, cung phụng, sợ hãi, dò xét quan thanh tra: “- <i>Dạ theo ngạch, bậc, chúng tôi phải đứng ạ</i> ”, “ <i>khúm núm</i> ”, “ <i>run cầm cập vì hoảng sợ</i> ”, “ <i>lại gần, toàn thân run cầm cập, cố gắng lấp bấp</i> ”: - <i>Hừ... hừ...</i>
Nhân vật	Thực chất	Thái độ trước sự khoác lác của Khor-lét-xta-cốp							
Thị trưởng	Công khai hà hiếp dân chúng, nhận hối lộ.	Che chắn, cung phụng, sợ hãi, dò xét quan thanh tra: “- <i>Dạ theo ngạch, bậc, chúng tôi phải đứng ạ</i> ”, “ <i>khúm núm</i> ”, “ <i>run cầm cập vì hoảng sợ</i> ”, “ <i>lại gần, toàn thân run cầm cập, cố gắng lấp bấp</i> ”: - <i>Hừ... hừ...</i>							

			qua... qua... qua... qua...”
	Viên kiểm học Lu-ca Lu-kích	bê trễ công việc, coi giáo đục là “nghề chết tiệt”.	Khúm núm, sợ hãi quan thanh tra: “- Ông cứ mặc chúng tôi, xin đừng bận tâm ạ”, “khúm núm”, “run cầm cập vì hoảng sợ”...
	Trưởng viện tế bản Ác-tê- mi Phi-líp-pô- vích	Bỏ mặc người bệnh “tự ốm, tự khỏi”, chỉ lo do thám mọi chuyện để viết thư tố cáo.	Cung phụng, sợ hãi, dò xét mọi việc: “- Chúng tôi đứng cũng được ạ”, “khúm núm”, “run cầm cập vì hoảng sợ”...
	Nhận xét chung	“Đốt đuốc giữa ban ngày cũng không thấy có việc gì trong thị trấn có thể coi là tử tế”	Thái độ nịnh nọt, luôn cúi vội cấp trên. Thái độ đó bắt nguồn từ những thói tật cố hữu của họ và nỗi sợ bị vạch tội.
* Nhân vật An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na – vợ và con gái thị trưởng - Thực chất: An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na, vợ và con gái thị trưởng, vốn là những kẻ đầu óc rỗng tuếch, đòi các rơm, đòi học làm sang, muốn được kết thân với người quyền thế trong giới thượng lưu ở thủ đô.			

- Thái độ trước sự khoác lác của Khor-lét-xta-cốp:

+ Lời thoại: “*Dạ, chúng tôi còn vui mừng hơn khi được gặp một người như tôn ông...*”, “*Đâu phải thế! Ông nói như thế thực là quá khen chúng tôi. Xin rước ông ngồi ạ!*”, “*Ông cứ nói quá! Ông làm vinh dự cho tôi nhiều lắm, tôi thật không xứng chút nào*”...

=> Những lời đưa đẩy, nịnh nọt, tạo cảm hứng cho Khor-lét-xta-cốp khoe mẽ, khoác lác, đồng thời bộc lộ chính sự giả tạo và dốt nát của mình.

+ Vai trò của nhân vật: An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na đã không chỉ đóng vai trò những nhân vật phụ hoạ gây cười, mà còn trở thành **nguồn cảm hứng** cho Khor-lét-xta-cốp khoe mẽ, khoác lác, các tình tiết kịch nảy sinh (tiền đề cho việc Khor-lét-xta-cốp tán tỉnh cả hai trong hồi kịch sau).

=> Ngõ ngàng, vui sướng khi được kết thân với người quyền thế để làm sang, bước vào giới thượng lưu ở thủ đô.

=> **Nhận xét về nhân vật hài kịch trong Nhân vật quan trọng:** nhân vật thường xuyên nhầm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế, có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu, tô đậm nét đáng cười, chứ không được khai thác qua toàn bộ tiểu sử.

2. “Nhân vật quan trọng” – đỉnh cao của hài kịch

- Tạo tình huống hiểu lầm (nhận lầm Khor-lét-xta-cốp là quan thanh tra, là “cụ lớn”, nhà văn).

- Phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật:

+ Phóng đại cử chỉ, điệu bộ xã giao: Điệu bộ giả tạo của Khor-lét-xta-cốp: “*Được đứng bên cạnh bà đã là hạnh phúc lắm rồi; nhưng nếu bà muốn thì tôi xin phép bà được ngồi ạ. Được ngồi gần bà là tôi sướng quá đấy ạ.*”

+ Thể hiện nỗi khiếp sợ thái quá: Nỗi khiếp sợ của thị trưởng và mọi người được miêu tả qua chỉ dẫn sân khấu (*khúm núm đứng cả dậy, run cầm cập vì hoảng sợ, toàn thân run cầm cập, cố gắng lấp bấp*), qua lời nói đứt quãng, không ra hơi của thị trưởng (*Hừ... hừ... qua... qua... qua...*)

	+ Phóng đại cơn cao hứng khoác lác của Khor-lét-xta-cốp: “<i>Thú thật là tôi sống bằng nghề văn đấy. Tôi có cái nhà đẹp nhất Pê-téc-bua...</i>”, “<i>trên bàn, tôi cho bày một quả dưa hấu đáng giá bảy trăm rúp. Xúp nấu xong để nguyên trong xoong từ thành Pa-ri nước Pháp được chở thẳng sang bằng tàu thủy, khi mở nắp xoong ra, hơi bốc lên nghi ngút chưa từng có ở trên đời này</i>”,... - Tạo tương phản gây cười được thể hiện qua lời khoác lác về cuộc sống thượng lưu cùng vị thế quan trọng của Khor-lét-xta-cốp tương phản gay gắt với thân phận thực tế của nhân vật: “<i>Có lẽ bà tưởng tôi là một anh chàng thư kí nhì chăng? Không, quan vụ trưởng là bạn thân với tôi đấy...</i>”, “<i>Tôi là bạn cánh hẩu của Pu-skin</i>” nhưng lại gắn Pu-skin với thể loại “ca kịch vui”, khoe các tác phẩm văn chương do mình viết bằng cách lấy của người này, người kia,...). - Ngôn từ tăng cường tính trào phúng: + Biện pháp cường điệu, nói quá: “<i>trên bàn, tôi cho bày một quả dưa hấu đáng giá bảy trăm rúp. Xúp nấu xong để nguyên trong xoong từ thành Pa-ri nước Pháp được chở thẳng sang bằng tàu thủy, khi mở nắp xoong ra, hơi bốc lên nghi ngút chưa từng có ở trên đời này</i>”, “<i>mỗi khi tôi ngủ dậy, ai mà ghé nhìn chỗ hành lang nhà tôi thì sẽ thấy lạ lắm. Bá tước, hoàng thân lúc nhúc xô đẩy nhau, nói lào xào như ong ấy, chỉ nghe thấy tiếng giề... giề.. giề... Đôi khi có cả quan thượng thư..</i>”. + Nói bóng gió: <i>Tôi để ý đấy nhé!, Tôi không thích đùa đâu nhé, Tôi chả xem thằng nào là gì...</i>, + Đối thoại của các nhân vật đưa đẩy tạo điều kiện cho Khor-lét-xta-cốp càng nói càng hăng; đối thoại giữa mẹ và con chan chát, “<i>ăn miếng trả miếng</i>” tô cáo lẫn nhau... khiến người đọc bật cười.
--	--

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi.

- HS làm việc cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ sau: <i>Nêu nội dung chính của đoạn trích. Theo em, “thói Khor-lét-xta-cốp” bắt nguồn từ đâu và có thể gây hậu quả gì?</i> <i>Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cặp đôi và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Tổng kết 1. Nội dung - Châm biếm, phê phán những thói hư tật xấu (thói khoác lác, ảo tưởng – “<i>thói Khor-lét-xta-cốp</i>”; thói nịnh nọt, luồn cúi với cấp trên), những góc khuất của xã hội. - Vạch trần bản chất của bộ máy quan chức công kênh, mục nát dưới chế độ Nga hoàng 2. Nghệ thuật - Tình huống kịch độc đáo. - Nhân vật hài kịch đặc sắc. - Hành động hài kịch ấn tượng: Lời thoại, cử chỉ, điệu bộ, hành vi... - Lời chỉ dẫn sân khấu: giúp cho người đọc hình dung hành động, cử chỉ, thái độ, cảm xúc.... của các nhân vật trong hài kịch. Từ đó thể hiện tính cách của các nhân vật trong hài kịch.

2.5. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại hài kịch

a. **Mục tiêu:** Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại hài kịch.

b. **Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu đoạn trích <i>Nhân vật quan trọng</i>, em hãy rút ra những điều cần lưu ý cho quá trình đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại kịch. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận	V. Cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại hài kịch - Đọc kĩ văn bản. - Phân tích kết cấu và tình huống kịch. - Phân tích nhân vật. - Phân tích hành động và xung đột kịch. - Nhận xét về thủ pháp trào phúng và

- GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	ngôn từ. - Đánh giá giá trị của văn bản.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của em về cách khắc phục “thói Khơ-lét-xta-cốp”.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp (khoảng 10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS đọc bài)
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ)	0,5
Nội dung	Suy nghĩ về cách khắc phục “thói Khơ-lét-xta-cốp”.	
	Giới thiệu vấn đề	1
	- Giải thích “thói Khơ-lét-xta-cốp” (là gì? bắt nguồn từ đâu? Hậu quả?) - Giải pháp khắc phục “thói Khơ-lét-xta-cốp”: + Bản thân mỗi người cần: Nâng cao nhận thức và hiểu rõ tác hại của việc nói dối, nhận ra ảnh hưởng tiêu cực của thói quen này đối với uy tín và hình ảnh của bản thân; rèn luyện tính trung thực, tự tin vào giá trị thực của bản thân. + Gia đình: Giáo dục con cái về tầm quan trọng của sự trung thực, tạo ra môi trường thoải mái để con có thể chia sẻ và biểu lộ bản thân một cách chân thành; khuyến khích sự phát triển tính cách. + Xã hội: Xây dựng một môi trường đề cao sự trung thực và liêm khiết, khuyến khích mọi người sống một cuộc sống đúng đắn và chân thành; khích lệ hành động tích cực, phê phán và lên án những hành vi dối trá và không chân thành... - Khái quát lại vấn đề: Khắc phục thói quen dối trá là một hành trình dài, đòi hỏi sự chung tay từ tất cả mọi người. Hãy cùng	7

	nhau xây dựng một xã hội - nơi sự trung thực được đề cao, nơi mỗi người tin tưởng vào giá trị bản thân và tôn trọng những lời nói chân thành.	
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý

Đoạn văn tham khảo

Đoạn trích “Nhân vật quan trọng” là một trong những lớp kịch đặc sắc nhất của vở hài kịch “Quan thanh tra” (Gô-gôn). Đoạn trích đề cập đến “thói Khơ-lét-xta-cốp” đã và đang gây hậu quả nghiêm trọng trong xã hội Nga cũng như toàn thế giới. Vậy cần phải làm gì để khắc phục thói xấu đó? “Thói Khơ-lét-xta-cốp” là thói khoác lác, ảo tưởng – bắt nguồn từ mặc cảm về thân phận nhỏ mọn của chính nhân vật trong thực tế. Thói tật này không hướng con người tới hành động khắc phục khiếm khuyết, vươn lên trong cuộc sống mà chỉ tạo ra cảm giác tự mãn, say sưa với những lời tăng bốc, làm cho cuộc sống không thể thay đổi; tệ hơn nữa, khi ảo tưởng tan vỡ, thói tật này có thể huỷ hoại nhân cách và cuộc sống con người. Để khắc phục thói xấu ấy, bản thân mỗi người cần phải nâng cao nhận thức và hiểu rõ tác hại của việc nói dối, nhận ra ảnh hưởng tiêu cực của thói quen này đối với uy tín và hình ảnh của bản thân; rèn luyện tính trung thực, tự tin vào giá trị thực của bản thân. Đồng thời, gia đình cần phải giáo dục con cái về tầm quan trọng của sự trung thực, tạo ra môi trường thoải mái để con có thể chia sẻ và biểu lộ bản thân một cách chân thành; khuyến khích sự phát triển tính cách trung thực. Hơn nữa, xã hội cần phải xây dựng một môi trường đề cao sự trung thực và liêm khiết, khuyến khích mọi người sống một cuộc sống đúng đắn và chân thành; khích lệ hành động tích cực, phê phán và lên án những hành vi dối trá và không chân thành... Khắc phục thói quen dối trá là một hành trình dài, đòi hỏi sự chung tay từ tất cả mọi người. Hãy cùng nhau xây dựng một xã hội - nơi sự trung thực được đề cao, nơi mỗi người tin tưởng vào giá trị bản thân và tôn trọng những lời nói chân thành.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS hiểu văn bản, có thêm cách cảm nhận mới về vở hài kịch *Quan thanh tra*.
- b. Nội dung:** Thực hiện bài tập vận dụng.
- c. Sản phẩm:** Sân khấu hoá đoạn trích kịch.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu:

- Xem đoạn video về một phần nội dung trong vở kịch *Quan thanh tra*

<https://youtu.be/cA2pZnWdY1U>

- Chọn một đoạn văn ngắn trong trích đoạn *Quan thanh tra*, nhập vai diễn lại đoạn văn đó (có thể viết lại kịch bản nếu cần)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo nhóm ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS diễn và quay lại video, gửi lên nhóm lớp.

Bước 4. Kết luận, nhận định GV nêu nhận xét về sản phẩm của các nhóm, chọn 1 nhóm diễn trước lớp.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các vở hài kịch.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Giấu của*, Lộng Chương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 46, 47

VĂN BẢN 2: GIẤU CỦA (Trích “Quần”) Lộng Chương

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một văn bản hài kịch theo đặc trưng thể loại cho học sinh.
- + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... qua văn bản *Giấu của*.
- + Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Giấu của* để đọc hiểu hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

2. Phẩm chất:

Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên. HS ý thức được cách phòng chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối tri thức cũ. Tạo hứng thú. Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. **Nội dung hoạt động:** Trò chơi **Những mảnh ghép kịch nói Việt Nam**

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm									
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Tổ chức trò chơi <i>Những mảnh ghép kịch nói Việt Nam</i> - GV nêu thể lệ trò chơi. + Có 9 bức tranh tương ứng với 09 câu hỏi liên quan đến bài học. + HS chọn các mảnh ghép, dựa vào dữ kiện để đưa ra câu trả lời. <table><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td></tr><tr><td>4</td><td>5</td><td>6</td></tr><tr><td>7</td><td>8</td><td>9</td></tr></table> Mảnh ghép 1. Vở kịch đầu tiên đánh dấu sự ra đời của thể loại kịch nói Việt Nam, do chính người Việt Nam sáng tác và biểu diễn là gì? 	1	2	3	4	5	6	7	8	9	- Câu trả lời của HS
1	2	3								
4	5	6								
7	8	9								
Đáp án: Vở kịch <i>Chén thuốc độc</i> của Vũ Đình Long vào 22/10/1921 tại Hà Nội. Mảnh ghép 2. Đây là ai?										



Đáp án: Nguyễn Huy Tưởng – nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng của nền văn xuôi Việt Nam.

Mảnh ghép 3. vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của nhà viết kịch nào?



Đáp án: Nhà viết kịch Lưu Quang Vũ.

Mảnh ghép 4. vở kịch được Nguyễn Đình Thi sáng tác năm 1962 và ngay lập tức gây được tiếng vang trên sân khấu Việt Nam. Đó là vở kịch nào?



Đáp án: Vở kịch *Con nai đen*

Mảnh ghép 5. *Bệnh sĩ* là tác phẩm thuộc thể loại nào của kịch?



Đáp án: Thể loại hài kịch

Mảnh ghép 6. Ai là người được đánh giá là “*người làm rạng rỡ sân khấu Việt Nam*”?



Đáp án: Nhà viết kịch Lộng Chương.

Mảnh ghép 7. Đặc trưng nổi bật nhất của thể loại hài kịch là gì?



Đáp án: Sử dụng tiếng cười để chế giễu, phê phán, châm biếm, đả kích...

Mảnh ghép 8. vở kịch *Quần* thuộc thể loại nào của kịch?



Đáp án: Thể loại hài kịch

Mảnh ghép 9. Nhân vật chính trong vở kịch *Quần* là ai?



Đáp án: Ông bà Đại Cát

Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

- HS chọn mảnh ghép, đọc câu hỏi và trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV dẫn vào bài: Bên cạnh Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, Lưu Quang Vũ, Lộng Chương cũng là một nhà soạn kịch nổi tiếng với những đóng góp to lớn cho sân khấu kịch Việt Nam. Một trong những vở kịch nổi tiếng nhất của Lộng Chương là “Quần”. Hôm nay cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu về vở kịch này qua đoạn trích “Giấu của”.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

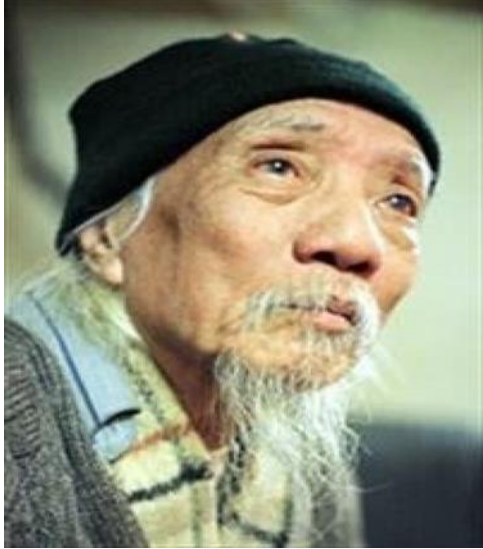
2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm, đoạn trích

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Lộng Chương, tác phẩm “Quần” và đoạn trích *Giấu của*.

b. Nội dung hoạt động: HS xem video, thực hiện các yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm												
Bước 1: GV giao nhiệm vụ - Phân vai cho HS đọc đoạn trích. - Đọc thầm SGK tr 145, kết hợp với xem video sau: https://youtu.be/jC8gzaHPZCY - Kết nối các thông tin, thảo luận với bạn bên cạnh để giới thiệu những nét cơ bản nhất về tác giả Lộng Chương và vở kịch <i>Quần</i>, đoạn trích <i>Giấu của</i> bằng cách hoàn thành Bảng kiến thức sau: <table border="1" data-bbox="167 627 821 1131"> <tr> <td rowspan="2">Tác giả Lộng Chương</td><td><i>Cuộc đời</i></td></tr> <tr> <td><i>Sự nghiệp văn chương</i></td></tr> <tr> <td rowspan="5">Vở kịch “Quần”</td><td><i>Thể loại</i></td></tr> <tr> <td><i>Thời điểm sáng tác</i></td></tr> <tr> <td><i>Vị trí</i></td></tr> <tr> <td><i>Kết cấu</i></td></tr> <tr> <td><i>Giá trị nội dung</i></td></tr> <tr> <td rowspan="2">Đoạn trích “Giấu của”</td><td><i>Vị trí</i></td></tr> <tr> <td><i>Nội dung</i></td></tr> </table>	Tác giả Lộng Chương	<i>Cuộc đời</i>	<i>Sự nghiệp văn chương</i>	Vở kịch “Quần”	<i>Thể loại</i>	<i>Thời điểm sáng tác</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Kết cấu</i>	<i>Giá trị nội dung</i>	Đoạn trích “Giấu của”	<i>Vị trí</i>	<i>Nội dung</i>	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả Lộng Chương  Lộng Chương. Ảnh: hanoimoi.com.vn a. Cuộc đời: - Tên khai sinh Phạm Văn Hiến (1918- 2003) - Quê quán: Hải Dương. - Năm 2000, ông được trao Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật. b. Sự nghiệp văn chương: - Là đạo diễn sân khấu, nhà văn, nhà viết kịch tiêu biểu thuộc thế hệ nghệ sĩ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ông được đánh giá là người làm rạng rỡ sân khấu Việt Nam. - Đặc điểm hài kịch Lộng Chương: đã dựng lên được những tính cách hài kịch nhiều vẻ, tìm được đúng đối tượng cho tiếng cười đả kích của mình. Đây không phải tiếng cười nhằm tiêu diệt đối tượng mà là cải tạo đối tượng bằng thái độ phê phán trào lộng quyết liệt, sâu cay. - Tác phẩm hài kịch tiêu biểu: <i>Mối lo của cụ Cừu</i> (1950), <i>Hỏi vợ</i> (1958), <i>Yếm bùa trừ sâu</i> (1959), <i>Quần</i> (1960), <i>Cửa mở hé</i> (1969)... 2. Vở kịch “Quần” - Thể loại: Hài kịch
Tác giả Lộng Chương		<i>Cuộc đời</i>											
	<i>Sự nghiệp văn chương</i>												
Vở kịch “Quần”	<i>Thể loại</i>												
	<i>Thời điểm sáng tác</i>												
	<i>Vị trí</i>												
	<i>Kết cấu</i>												
	<i>Giá trị nội dung</i>												
Đoạn trích “Giấu của”	<i>Vị trí</i>												
	<i>Nội dung</i>												
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi đưa ra câu trả lời - GV quan sát HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1-2 HS giới thiệu về tác giả, tác phẩm trước lớp - HS khác bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức													

	- Thời điểm sáng tác: năm 1960 - Vị trí: Tác phẩm kinh điển của hài kịch Việt Nam (được công diễn hơn hai mươi năm với khoảng 2000 buổi diễn). - Kết cấu: Gồm 5 hồi, được tổ chức trên cơ sở hành động “giấu của”: + Phần 1. Mở đầu: Giới thiệu các nhân vật với thói tật và những toan tính. + Phần 2. Thắt nút: Ông bà Đại Cát tìm mọi cách để che giấu và tẩu tán khối gia sản tích góp được lâu nay, trước khi chuyển xưởng dệt của gia đình thành xưởng dệt công tư hợp doanh. + Phần 3. Triển khai: Hai ông bà một mặt giấu vàng sau mấy bức ảnh trong phòng khách, mặt khác đi sắm sửa của hồi môn cho con gái để tẩu tán tài sản. + Phần 4. Đỉnh điểm: Mẹ Đại Cát (cụ Đại Lợi) và em gái Đại Cát (bà Đại Hưng) biết tin này, cũng đòi được chia tài sản. Con gái Đại Cát là Thuý Trinh và người yêu cô (Hùng) là những thanh niên hăng hái tham gia lao động kiến thiết, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của nhà nước. + Phần 5. Kết thúc: U Trinh - người làm công trong gia đình, tình cờ biết được chỗ hai ông bà Đại Cát giấu của, đã mách với Thuý Trinh và Hùng. - Giá trị nội dung: + Thể hiện một vấn đề mang đậm tính thời sự của xã hội miền Bắc Việt Nam những năm 60 của thế kỉ XX với chủ trương công tư hợp doanh. + Ông bà Đại Cát tìm mọi cách che giấu và tẩu tán khối tài sản tích góp được của gia đình. Khi được con gái thuyết phục, họ đã nhận ra mình “quần”, không giấu của nữa. 3. Đoạn trích <i>Giấu của</i> - Vị trí: trích từ <i>Cảnh vào trò</i> của vở kịch. - Nội dung: Kể về việc ông bà Đại Cát tìm cách giấu của vào các tấm ảnh trong phòng khách.
--	--

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu thể loại hài kịch:

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng... thông qua đoạn trích “Giấu của”.

b. Nội dung hoạt động: Tập trung làm rõ các vấn đề như: Bối cảnh, tình huống và hành động kịch, nhân vật và thủ pháp trào phúng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm và cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm Nhóm 1 Tìm hiểu những đặc trưng của thể loại hài kịch. 1. Xác định tình huống gây cười trong đoạn trích. 2. Em đánh giá như thế nào về tình huống trên? Nhóm 2 Tìm hiểu những đặc trưng của thể loại hài kịch. 1. Hãy chỉ ra xung đột giữa thực tế và lí tưởng được thể hiện trong đoạn trích. 2. Theo em, xung đột trong vở kịch có còn tồn tại trong xã hội ngày nay không? Vì sao? Nhóm 3 Tìm hiểu những đặc trưng của thể loại hài kịch. 1. Trạng thái “quẫn” của hai nhân vật ông Đại Cát và bà Đại Cát được thể hiện qua lời nói, cử chỉ, hành động nào? 2. Theo em, hai nhân vật “đáng cười” trong đoạn trích này đáng ghét hay đáng thương? Vì sao? Nhóm 4	II. Khám phá văn bản 1. “Giấu của” và những đặc trưng của thể loại hài kịch. a. Tình huống kịch - Tình huống: + Hai nhân vật ông bà Đại Cát vì muốn giữ tài sản, trốn tránh chủ trương công tư hợp doanh mà tìm mọi cách “giấu của” trong chính những bức ảnh chân dung của mình và của bà mẹ (cụ Đại Lợi) trong phòng khách nhà họ. + Bên cạnh đó, trong đoạn trích lại có thể tìm thấy nhiều tình huống gây cười nhỏ: ngã vào nhau trong bóng tối, hiểu lầm khi đối thoại “treo nó lên buồng ngủ”, “hay là đem chôn”... - Nhận xét: Tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thế sự với những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người. b. Xung đột kịch - Lí tưởng: Mong muốn giàu của của hai ông bà Đại Cát. Ông bà Đại Cát tìm mọi cách để che giấu và tẩu tán khối gia sản tích cóp được lâu nay, trước khi chuyển xưởng dệt của gia đình thành xưởng dệt công tư hợp doanh. - Thực tế (chuẩn mực xã hội): Hai ông bà bị “quẫn” trong khi tìm cách giấu của. Họ giấu trong ảnh ở phòng khách bởi ở đó “Hở mà kín, kín mà hở, không ai ngờ được” sau khi loại bỏ các phương án để trong két (con gái biết), để nơi kín hơn (mẹ lục lọi cả ngày), treo ảnh để tiền trong buồng (tự nhiên lại

Tìm hiểu những đặc sắc về nghệ thuật hài kịch

1. Xác định thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng trong đoạn trích.
2. Phân tích tính trào phúng trong ngôn ngữ đối thoại của hai nhân vật.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận theo định hướng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày.
- Các nhóm lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề.

chuyển ảnh), chôn của dưới đất (người giúp việc biết). Trong quá trình giấu của, họ gặp những trục trặc: Đánh rơi đèn, con chuột chạy qua... khiến họ quần lên.

=> Mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất với những chuẩn mực và xu thế xã hội. Từ đó, tiếng cười của hài kịch cất lên từ sự vênh lệch giữa thực tế và lí tưởng.

=> Ngày nay, xung đột này không còn tính thời sự nữa bởi đường lối phát triển kinh tế của đất nước đã đổi khác, các cá nhân, gia đình được khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế.

c. Nhân vật kịch

- **Hành động:** “giấu của” khi nghe chủ trương công tư hợp doanh:

+ Tìm chỗ “giấu của”: họ đã nghĩ đến phương án để trong két, treo lên buồng ngủ, chôn xuống... nhưng cuối cùng quyết định giấu trong ảnh treo ở phòng khách “*hở mà kín, kín mà hở, không ai ngờ được*” vì “*họ không công tư hợp doanh ảnh của mình đâu*”.

+ Khi “giấu của” họ đánh rơi đèn, tối om, họ cào vào mặt nhau, họ tưởng con chuột to là U Trinh rình, bật đèn thì sợ lộ, sai bà Đại Cát canh cửa thì sợ ma...

=> Chủ yếu là hành động bên ngoài.

- **Lời nói:** dùng loại ngôn ngữ “nói lơ”, “nói không ra tiếng” gây hiểu lầm: “*treo nó lên buồng ngủ*”, “*treo cậu và tôi...*”, “*hay là đem chôn?*”, “*Mất gì? Mất à?*”...

- **Cách hiểu về công tư hợp doanh:** Hiểu sai bản chất của chủ trương công tư hợp doanh: “*Tình hình mậu dịch quốc doanh bành trướng như thế....nữa là mình*”, “*cứ như vợ chồng Đại Hưng thế mà khôn. Buôn bán cầm chừng rồi rút dần vốn về, găm chặt vào lưng thế mà lại hay*”,...

- **Cử chỉ:** được phóng đại, gây tương phản, tạo nghịch lí: “*Lại rú lên*”, “*cùng rú lên*” khi sờ phải mặt nhau, “*lấy bẫy chống gối đứng dậy*”, “*tay vẫn còn run*”,...

	=> Các suy nghĩ, toan tính, cảm xúc trong nội tâm nhân vật đều được bộc lộ ra bên ngoài thông qua lời nói, cử chỉ và hành động của nhân vật. Qua đó, ta thấy ông bà Đại Cát là người thiếu hiểu biết, tham lam. Vì thế đẩy ông bà vào trạng thái “quẫn”: <i>léch théch, trông đến thiếu nảo, run, bàng hoàng, thất thần...</i> Trạng thái “quẫn” này do hai nhân vật tự tạo ra, tự mình làm khổ mình. Từ đó, tiếng cười bật ra. - Hai ông bà Đại Cát vừa đáng ghét vừa đáng thương. Đáng ghét ở chỗ lòng tham của hai ông bà quá lớn, lúi húi đi tìm chỗ giấu của tạo nên những tình huống ngặt nghèo. Đáng thương ở việc kém hiểu biết, không hiểu về công tư hợp doanh nên lo sợ rằng khi công tư hợp doanh là sẽ mất hết của cải. 2. “Giấu của” và những đặc sắc về nghệ thuật hài kịch - Tạo tình huống “quẫn”: Hai ông bà Đại Cát giấu của => Tình huống kịch độc đáo, dở khóc, dở cười. - Phóng đại cử chỉ, điệu bộ: cử chỉ, điệu bộ giấu của trong đêm của hai ông bà Đại Cát được phóng đại lên: <i>“cười như ho”, “hai cặp chân đứng ríu vào nhau. Hai ống quần trắng của bà Đại Cát hơi rung rung, Hai vợ chồng mặc quần áo ngủ, léch théch, trông đến thiếu nảo...</i> - Tạo tương phản gây cười thông qua lời nói thầm, nói không ra tiếng của hai ông bà: <i>“Thế cậu cho nốt chỗ này vào...”, “cái gói...đâu?” “lại sắp sửa...”...</i> - Ngôn từ tăng cường tính trào phúng (nói lỡ, nói không ra tiếng,...): Đối thoại của hai nhân vật ông Đại Cát và bà Đại Cát, có nhiều chi tiết gây hiểu lầm hoặc gọi liên tưởng (<i>“treo nó lên buồng ngủ”, “treo cậu và tôi...”</i>, <i>“hay là đem chôn?”</i>, <i>“Mất gì? Mất à?”...</i>), loại ngôn ngữ “nói lỡ”, “nói không ra tiếng”. => Khắc hoạ tính cách nhân vật, tạo ra tình
--	---

	huống trở trêu, oái ăm, thúc đẩy xung đột kịch.
--	---

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin, những cảm xúc như thế nào? - Nêu ngắn gọn những dấu hiệu của hài kịch thể hiện qua đoạn trích? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Văn bản đề cập đến thái độ, hành động tiêu cực của một lớp người trước chủ trương của công tư hợp doanh nhà nước. - Tuy rằng cách nhìn nhận vấn đề thời sự đặt ra trong tác phẩm có thể đã thay đổi theo thời gian, nhưng những suy tưởng mà nó gợi ra vẫn có giá trị trong thời hiện tại. Chẳng hạn, con người không nên đi ngược lại những chuẩn mực chung của tập thể và xã hội; tỉnh táo để tránh tự mình làm khó mình, khiến mình rơi vào tình thế “quần”. 2. Nghệ thuật Là một vở hài kịch có tính kinh điển với: - Tình huống kịch độc đáo, dở khóc, dở cười. - Nhân vật được hiện lên qua những lời nói, cử chỉ, hành động bên ngoài. - Ngôn từ tăng cường tính trào phúng. - Các chi dẫn sân khấu cụ thể giúp người đọc hình dung rõ trạng thái nhân vật, tình huống....

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) phân tích một chi tiết hài hước trong đoạn trích “Giấu của”.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp (khoảng 10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS đọc bài)
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn. (khoảng 200 chữ)	0,5
Nội dung	Phân tích một chi tiết hài hước trong đoạn trích “Giấu của”.	
	Giới thiệu vấn đề	1
	- Nêu được chi tiết hài hước trong đoạn trích <i>Giấu của</i> và lí giải vì sao. - Đưa ra nhận xét, đánh giá và suy nghĩ về chi tiết đó: + Ý nghĩa trong việc thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm. + Ý nghĩa đối với hình thức của tác phẩm. - Khái quát lại vấn đề.	7
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

Hài kịch là một thể loại văn học độc đáo, dùng tiếng cười để chế giễu, phê phán, châm biếm, đả kích những thói hư tật xấu, những cái lỗi bịch, kệch cỡm trong cuộc sống. Chi tiết trong hài kịch góp phần thể hiện rõ điều đó. Trong đoạn trích “Giấu của” (Trích “Quần” của Lộng Chương) có nhiều chi tiết hài hước. Trong đó, chi tiết tấm ảnh của cụ Đại Lợi trong cảnh hạ màn là một chi tiết như vậy. Hai ông bà Đại Cát giấu tài sản vào ảnh của mình, nhưng “Ảnh tôi và cậu đã xếp chặt cả rồi, còn nhét vào đâu được nữa”. Họ “dừng trước tấm ảnh cụ Đại Lợi to tướng, ngồi trên ghế bành lằn trằn hạt” và quyết định “cho vào ảnh mẹ” vì theo ông Đại Cát “Được thêm bà lão làm thần giữ của càng vững”. Thế là “Tấm ảnh chơi vui giữa khoảng không với đôi mắt chảy xệ và cặp mắt quăm quăm” trở thành nơi giấu của. Con cái biến tấm ảnh uy nghi của mẹ thành nơi giữ của cho mình càng làm nổi bật tình thế “quần” của hai nhân vật, góp phần làm nổi bật tư tưởng chủ đề của tác phẩm: con người không nên đi ngược lại những chuẩn mực chung của tập thể và xã hội, cần tỉnh táo để tránh tự mình làm khó mình, khiến mình rơi vào tình thế “quần”, làm bật lên tiếng cười hài hước. Chỉ một chi tiết đã giúp tác giả thực hiện được nhiều mục đích như vậy, chứng tỏ tài năng bậc thầy của Lộng Chương ở thể loại hài kịch.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về hài kịch để giải quyết một tình huống cụ thể.
- Nội dung:** HS sáng tác một vở kịch ngắn theo yêu cầu.
- Sản phẩm:** Một vở hài kịch
- Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp làm 4 nhóm. Giao nhiệm vụ:	Vở hài kịch

Từ những kiến thức đã học trong bài “Tiếng cười của hài kịch” (Sách Ngữ văn 12, bộ sách <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i>), hãy sáng tác một vở hài kịch về một chủ đề tự chọn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc theo nhóm, tại nhà. Thời gian thực hiện nhiệm vụ: 01 tuần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Các nhóm HS gửi sản phẩm lên nhóm zalo lớp. Các HS đọc, nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chủ động đọc, nhận xét từng tác phẩm sau khi học xong bài 05.	
---	--

RUBRIC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM

<i>Cấp độ</i> <i>Tiêu chí</i>	<i>Tốt</i> <i>(4 điểm)</i>	<i>Khá</i> <i>(3 điểm)</i>	<i>Trung bình</i> <i>(2 điểm)</i>	<i>Cần điều chỉnh</i> <i>(1 điểm)</i>
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép.	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép.	Tham gia nhưng thường lảng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều

	công việc của nhóm.	triển công việc của nhóm.	công việc của nhóm.	chỉnh hoặc thay đổi.
--	---------------------	---------------------------	---------------------	----------------------

RUBRIC ĐÁNH GIÁ MỘT VĂN BẢN HÀI KỊCH

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo đúng thể loại hài kịch	0,5
	Có sự kết hợp của nhiều phương thức biểu đạt	1,0
Nội dung	Văn bản hài kịch với tất cả các đặc trưng	
	Đề tài (tự chọn). Khích lệ đề tài có tính thời sự, có ý nghĩa	1,0
	Tình huống kịch, xung đột kịch	3
	Nhân vật hài kịch	2
	Ngôn ngữ, giọng điệu	2
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản hài kịch.
- **Chuẩn bị bài: Thực hành đọc: Cẩn thận hão** (Trích *Thợ cạo thành Xê-vin*)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

THỰC HÀNH ĐỌC

HS đọc ở nhà

CẨN THẬN HẢO

(Trích *Thợ cạo thành Xê-vin*)

Bô-mác-se

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một văn bản hài kịch theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... qua văn bản *Cẩn thận hão*.

+ Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Cẩn thận hão* để đọc hiểu hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

2. Phẩm chất:

Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: HS nghe nhạc và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ NV1: GV tổ chức cho HS nghe nhạc: https://youtu.be/TJe_8iq18IU (Từ đầu cho đến phút thứ 5.00) NV2: HS trả lời các câu hỏi - Em cảm nhận như thế nào về bản nhạc? - Em thử đoán xem bản nhạc ấy liên quan đến tác phẩm văn học nào? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe nhạc, nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời	Câu trả lời của HS: - Bản nhạc nhanh, dồn dập và vui nhộn. - Đó là bản nhạc của ballet kinh điển “Người thợ cạo thành Seville” – vở ballet lấy cảm hứng từ vở kịch cùng tên của nhà viết kịch Bô-mác-se.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương câu trả lời nhanh, đúng của HS.
- GV dẫn vào bài: Đó là bản nhạc của vở ballet kinh điển “Người thợ cạo thành Seville” – vở ballet lấy cảm hứng từ vở kịch cùng tên của nhà viết kịch Bô-mác-se. Vở hài kịch là nguồn cảm hứng cho âm nhạc, hội họa... Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu về vở hài kịch này thông qua đoạn trích *Cẩn thận hão*.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Bô-mác-se, vở hài kịch *Thợ cạo thành Xê-vin* và đoạn trích *Cẩn thận hão*.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: HS thuyết trình về tác giả Bô-mác-se, vở hài kịch *Thợ cạo thành Xê-vin* và đoạn trích *Cẩn thận hão*.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm														
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Hãy xem video sau: https://www.youtube.com/watch?v=7ZsMaXA2vSQ kết hợp với đọc SGK hoàn thành bảng kiến thức sau: <table><tr><td>Tác giả</td><td><i>Cuộc đời</i></td></tr><tr><td>Bô-mác-se</td><td><i>Sự nghiệp văn chương</i></td></tr><tr><td>Vở kịch</td><td><i>Thể loại</i></td></tr><tr><td>“Thợ cạo thành Xê-vin”</td><td><i>Vị trí</i></td></tr><tr><td></td><td><i>Giá trị nội dung</i></td></tr><tr><td>Đoạn trích</td><td><i>Vị trí</i></td></tr><tr><td>“Cẩn thận hão”</td><td><i>Nội dung</i></td></tr></table>	Tác giả	<i>Cuộc đời</i>	Bô-mác-se	<i>Sự nghiệp văn chương</i>	Vở kịch	<i>Thể loại</i>	“Thợ cạo thành Xê-vin”	<i>Vị trí</i>		<i>Giá trị nội dung</i>	Đoạn trích	<i>Vị trí</i>	“Cẩn thận hão”	<i>Nội dung</i>	I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả - Bô-mác-se (1732-1799) là nhà soạn kịch nổi tiếng người Pháp thời kì cuối chế độ quân chủ chuyên chế, trước cuộc Đại cách mạng tư sản năm 1789. - Với vốn sống phong phú, Bô-mác-se đã đưa vào những vở hài kịch với tiếng cười tiền đưa cái cũ và chào đón cái mới. Hài kịch của Bô-mác-se là sự kết tinh tổng hợp cả một di sản văn học trào phúng đậm chất Gô-loa của văn học Pháp với các thể loại hài kịch của các tác gia vĩ đại; được xem là đỉnh cao của sân khấu kịch Pháp thế kỉ XVIII. - Các vở hài kịch tiêu biểu: “Thợ cạo thành Xê-vin” (1775), “Đám cưới Phi-ga-rô” (1784) 2. Vở kịch “Thợ cạo thành Xê-vin”
Tác giả	<i>Cuộc đời</i>														
Bô-mác-se	<i>Sự nghiệp văn chương</i>														
Vở kịch	<i>Thể loại</i>														
“Thợ cạo thành Xê-vin”	<i>Vị trí</i>														
	<i>Giá trị nội dung</i>														
Đoạn trích	<i>Vị trí</i>														
“Cẩn thận hão”	<i>Nội dung</i>														

	 - Thể loại: HÀi kịch - Vị trí: Là vở kịch kiệt tác của Bô-mác-se và của thế giới. - Giá trị nội dung: Vở kịch ca ngợi trí thông minh của anh thợ cạo thành Xê-vin, đề cao tình yêu tự do, phê phán thói chuyên quyền, áp đặt của những kẻ tự cho mình là có quyền uy tối thượng. 3. Đoạn trích “Cẩn thận hão” - <i>Vị trí của đoạn trích</i>: Thuộc phần cuối của vở kịch. - <i>Nội dung</i>: Nhờ vào sự mưu trí của Phi-ga-rô, An-ma-vi-a và Rô-đin làm phép cưới, Bác-tô-lô phải trả giá vì lòng tham.
--	---

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu thể loại hài kịch:

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng... thông qua đoạn trích “Cẩn thận hão”.

b. Nội dung hoạt động: Tập trung làm rõ các vấn đề như: Bối cảnh, tình huống và hành động kịch, nhân vật và thủ pháp trào phúng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm và cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Chia lớp thành 4 nhóm, GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm: Nhóm 1 Tìm hiểu tình huống kịch 1. Xác định tình huống gây cười trong đoạn trích. 2. Em đánh giá như thế nào về tình huống trên?	II. Khám phá văn bản 1. Tình huống kịch - Tình huống: + Bác sĩ Bác-tô-lô, người đỡ đầu của Rô-đin, muốn lấy nàng làm vợ để thừa kế số tài sản lớn đã mưu tính với Ba-din, thầy dạy nhạc của Rô-đin tổ chức lễ cưới. + Phi-ga-rô cố tình tạo ra sự nhầm lẫn khiến chàng rể và Ba-din tưởng là có hai cô dâu cùng tên là Rô-đin nên đã đồng ý đến ngôi nhà mà Bác-tô-lô cho Phi-ga-rô thuê, làm phép cưới và làm chứng cho lễ cưới của bá tước An-ma-vi-a và Rô-đin.

Nhóm 2

Tìm hiểu xung đột kịch

1. Chỉ ra xung đột trong đoạn trích.
2. Kết thúc đoạn trích, xung đột được giải quyết như thế nào? Điều đó có ý nghĩa gì?

Nhóm 3

Tìm hiểu nhân vật kịch

1. Các nhân vật trong đoạn trích là ai?
2. Nêu đặc điểm của nhân vật hài kịch xuất hiện trong đoạn trích.

Nhóm 4

Tìm hiểu thủ pháp trào phúng và ngôn từ

1. Xác định thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng trong đoạn trích.
2. Phân tích tính trào phúng trong ngôn ngữ đối thoại của hai nhân vật.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận theo định hướng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày.
- Các nhóm lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề.

+ Bác-tô-lô nhận ra sự đảo ngược tình thế thì đã quá muộn.

=> **Tình huống nhằm lẫn độc đáo.**

2. Xung đột kịch

- Xung đột trong đoạn trích: Xung đột giữa các nhân vật Bác-tô-lô, Ba-din với bá tước An-ma-vi-va, Rô-din và Phi-ga-rô. Đó là xung đột giữa sự tham lam, ích kỉ, dối trá (cái xấu) với sự trung thực, yêu chính nghĩa, tình yêu tự do (cái đẹp).
 - Giải quyết xung đột: Sự trung thực, yêu chính nghĩa, tình yêu tự do (cái đẹp) đã chiến thắng sự tham lam, ích kỉ, dối trá (cái xấu). Đây là một giá trị cốt lõi của vở kịch nói chung, của đoạn trích nói riêng.
- => Vở kịch nuôi dưỡng niềm tin vào chính nghĩa, vào cái đẹp và tình yêu tự do.

3. Nhân vật kịch

- Các nhân vật: Bác sĩ Bác-tô-lô, thầy dạy nhạc Ba-din, Bá tước An-ma-vi-ô, Rô-din, Phi-ga-rô, viên chương khế, thẩm phán.
 - Các nhân vật hài kịch trong đoạn trích là:
 - + Viên chương khế thấy hai khế ước đều có tên cô dâu là Rô-din nên lầm tưởng “*hiển nhiên là hai chị em ruột cùng một tộc danh*”.
- => Ngụ dốt, làm việc đại khái, qua loa.
- + Ba-din là phe cánh với Bác-tô-lô nhưng bản tính vụ lợi nên phản bội Bác-tô-lô kí làm chứng cho Bá tước An-ma-vi-ô kết hôn với Rô-din “Cái người quý quái đó lúc nào túi cũng đầy những lí lẽ không cưỡng được”
- => Tham lam, bị đồng tiền che mờ mắt.
- + Bác-tô-lô bất ngờ vì mọi việc lộn trái so với những gì hắn tính toán, cuối cùng hắn đã bộc lộ bản chất ham tiền chứ không hề có tình cảm với Rô-din. Khi bá tước khẳng định không đòi ông ta những tài sản mà ông ta quản lý cho Rô-din, ông ta đồng ý luôn: “Tôi, tôi cần quái gì tiền! Ừ thì, tôi vẫn giữ được tiền: nhưng ông tưởng đó là động cơ quyết định tôi chẳng?”
- => Tham lam, gian xảo, mưu mô.

4. Thủ pháp trào phúng và ngôn từ

	- Tình thế đảo ngược: Bác-tô-lô sắp đặt để kết hôn với Rô- in nhưng rồi y bị chơi khăm, bá tước và Rô-din thuận tình kết hôn với nhau và có người làm chứng. Sự tráo đổi vị trí của nhân vật gây cười cho độc giả. - Đối thoại: Các nhân vật sử dụng lối nói cường điệu, bóng gió, đối đáp “<i>ăn miếng trả miếng</i>”... Đối thoại góp phần khắc hoạ tính cách của nhân vật. - Chi tiết về sự “cẩn thận hão”: Bác-tô-lô đã dùng mọi cách lừa dối, mưu tính mọi đường (rất cẩn thận) để cưới được Rô-din nhưng cuối cùng lại bị đổ bể thành “cẩn thận hão”. => <i>Tác giả sử dụng những tình huống gây cười và chi tiết về sự “cẩn thận hão” để làm nổi bật tính cách lối bịch, hài hước của nhân vật, đồng thời phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.</i>
--	---

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Tác phẩm “Thợ cạo thành Xê-vin” của Bô-mác-se được coi là đỉnh cao của sân khấu Pháp thế kỉ XVIII. “Cẩn thận hão” là đoạn trích tiêu biểu nhất của vở kịch. Em hãy: + Ghi lại những đặc sắc về phương diện nội dung và nghệ thuật của tác phẩm ra giấy. + Trình bày các nội dung trên trong 02 phút Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).	III. Tổng kết 1. Nội dung - Đoạn trích là cuộc đấu trí giữa các nhân vật, đặc biệt Phi-ga-rô và Bác-tô-lô. Sự mưu trí của Phi-ga-rô giúp chàng bá tước An-ma-vi-va cứu Rô-din khỏi sự giam cầm và âm mưu của bác sĩ Bác-tô-lô, kết hôn với nàng. Điều này phản ánh giá trị của trí tuệ và sự nhanh nhạy trong việc giải quyết vấn đề và vượt qua trở ngại. - Vở kịch mang đến thông điệp về sự chính nghĩa và công lý. 2. Nghệ thuật - Vở kịch thể hiện rõ những yếu tố hài hước và châm biếm đặc trưng của hài kịch cổ điển, như các tình huống dở khóc dở cười, sự lừa lọc và các pha giải quyết vấn đề một cách hài hước,

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	làm nổi bật sự châm biếm các tính cách và hành vi xã hội. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc: Xây dựng được các nhân vật điển hình: Phi-ga-rô là hình mẫu của trí tuệ, khôn ngoan và mưu mẹo; Bác-tô-lô là đại diện cho tham vọng, sự gian xảo, mưu mô. - Vở kịch kết hợp yếu tố hài hước với câu chuyện lãng mạn giữa chàng bá tước An-ma-vi-va và Rô-din.
---	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) phân tích một chi tiết hài hước trong đoạn trích “Cẩn thận hão”.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp (khoảng 10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS đọc bài)
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn. (khoảng 200 chữ)	0,5
Nội dung	Phân tích một chi tiết hài hước trong đoạn trích “Cẩn thận hão”.	
	Giới thiệu vấn đề	1
	- Nêu được chi tiết hài hước trong đoạn trích “Cẩn thận hão” và lí giải vì sao. - Đưa ra nhận xét, đánh giá và suy nghĩ về chi tiết đó: + Ý nghĩa trong việc thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm. + Ý nghĩa đối với hình thức của tác phẩm. - Khái quát lại vấn đề.	7
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu văn bản, có thêm cách cảm nhận mới về đoạn trích *Cẩn thận hão*.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Sân khấu hoá đoạn trích kịch.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Sân khấu hóa đoạn trích kịch “Cẩn thận hão”.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo nhóm ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS diễn và quay lại video, gửi lên nhóm lớp.

Bước 4. Kết luận, nhận định GV nêu nhận xét về sản phẩm của các nhóm, chọn 1 nhóm diễn trước lớp.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các vở hài kịch.
- **Chuẩn bị bài:** “Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

VIẾT

Tiết: 52.

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **viết, giúp HS:**

- Nhận biết được yêu cầu cần đạt của kiểu bài.
- Thực hành viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

2. Phẩm chất: Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em hãy xem video sau và cho cô biết nội dung của video là gì? https://youtu.be/I3S_CBJgwbs Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo - Học sinh xem video, trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV chốt vấn đề, dẫn dắt vào bài học: + Video nói về lối sống tối giản. + Đó là những thông tin rất cơ bản về lối sống tối giản. Để viết báo cáo nghiên cứu cần về những vấn đề như thế này, chúng ta cần làm những gì? Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học hôm nay! Bài “Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội”	- Câu trả lời của HS: Video nói về lối sống tối giản.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS hiểu mục đích, yêu cầu đối với bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm												
Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 01 HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản. - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: 1. Nhan đề của bài báo cáo nghiên cứu cho chúng ta biết những thông tin gì về đề tài nghiên cứu, nội dung nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu? 2. Báo cáo nghiên cứu đã triển khai những luận điểm nào? Tìm câu chủ đề thể hiện nội dung chính của mỗi luận điểm. Các cứ liệu đã được sử dụng như thế nào để làm nổi bật từng luận điểm đó? 3. Nêu các đặc điểm của ngôn ngữ được sử dụng trong báo cáo nghiên cứu. 4. Tranh minh họa được sử dụng có tác dụng gì? 5. Em có nhận xét gì về tính chất của các tài liệu tham khảo? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nối tiếp nhau đọc văn bản - Thảo luận cặp đôi 4 câu hỏi SGK khoảng 5 phút Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức	I. Tìm hiểu chung dạng bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo a. Nhan đề của bài báo cáo nghiên cứu cho biết thông tin: - Đề tài: nghiên cứu về vấn đề mỹ thuật Việt Nam trong thời mở cửa. - Nội dung: đặc điểm, biểu hiện của mỹ thuật Việt Nam trong thời mở cửa, những đổi mới, trào lưu mỹ thuật, thành tựu,... - Phạm vi: nghiên cứu những tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc của Việt Nam... trong thời gian từ 1986 đến nay. => Nhan đề ngắn gọn, súc tích, giàu tính khái quát (những nội dung trong bài phải làm rõ cho nhan đề) b. Luận điểm, câu chủ đề thể hiện nội dung chính của mỗi luận điểm, cứ liệu đã được sử dụng để làm nổi bật từng luận điểm: <table><tr><th>STT</th><th>Luận điểm</th><th>Câu chủ đề</th><th>Cứ liệu</th></tr><tr><td>1</td><td>Sự đổi mới về chủ đề và nội dung trong mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.</td><td>Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa phản ánh đa dạng các chủ đề về đời sống xã hội, con người, và thiên nhiên, thể hiện quan điểm mới mẻ, cởi mở và hướng đến hiện thực.</td><td> - Phân tích các tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc tiêu biểu của thời kì này. - So sánh với các tác phẩm mỹ thuật trước thời kì mở cửa. - Lấy dẫn chứng về các tác phẩm cụ thể và tác giả của chúng. </td></tr><tr><td>2</td><td>Sự xuất hiện của các trào lưu nghệ</td><td>Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa tiếp nhận và sáng tạo các trào lưu</td><td>- Giới thiệu các trào lưu nghệ thuật mới xuất hiện trong thời kì này</td></tr></table>	STT	Luận điểm	Câu chủ đề	Cứ liệu	1	Sự đổi mới về chủ đề và nội dung trong mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa phản ánh đa dạng các chủ đề về đời sống xã hội, con người, và thiên nhiên, thể hiện quan điểm mới mẻ, cởi mở và hướng đến hiện thực.	- Phân tích các tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc tiêu biểu của thời kì này. - So sánh với các tác phẩm mỹ thuật trước thời kì mở cửa. - Lấy dẫn chứng về các tác phẩm cụ thể và tác giả của chúng.	2	Sự xuất hiện của các trào lưu nghệ	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa tiếp nhận và sáng tạo các trào lưu	- Giới thiệu các trào lưu nghệ thuật mới xuất hiện trong thời kì này
STT	Luận điểm	Câu chủ đề	Cứ liệu										
1	Sự đổi mới về chủ đề và nội dung trong mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa phản ánh đa dạng các chủ đề về đời sống xã hội, con người, và thiên nhiên, thể hiện quan điểm mới mẻ, cởi mở và hướng đến hiện thực.	- Phân tích các tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc tiêu biểu của thời kì này. - So sánh với các tác phẩm mỹ thuật trước thời kì mở cửa. - Lấy dẫn chứng về các tác phẩm cụ thể và tác giả của chúng.										
2	Sự xuất hiện của các trào lưu nghệ	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa tiếp nhận và sáng tạo các trào lưu	- Giới thiệu các trào lưu nghệ thuật mới xuất hiện trong thời kì này										

		thuật mới	nghệ thuật mới từ phương Tây, tạo nên sự đa dạng và phong phú trong ngôn ngữ nghệ thuật.	như trừu tượng, biểu hiện, tối giản,... - Phân tích các tác phẩm tiêu biểu của từng trào lưu. - Đánh giá ảnh hưởng của các trào lưu nghệ thuật mới đối với nền mỹ thuật Việt Nam.
	3	Ảnh hưởng của nghệ thuật quốc tế	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa giao lưu và hội nhập với nghệ thuật quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của mỹ thuật Việt Nam trên trường quốc tế.	- Phân tích sự giao lưu, hội nhập của mỹ thuật Việt Nam với nghệ thuật quốc tế qua các triển lãm, hội thảo, và các hoạt động giao lưu nghệ sĩ. - Đánh giá ảnh hưởng của nghệ thuật quốc tế đối với mỹ thuật Việt Nam. - Lấy dẫn chứng về các nghệ sĩ Việt Nam thành công trên trường quốc tế.

c. Các đặc điểm của ngôn ngữ được sử dụng trong báo cáo nghiên cứu: Ngôn ngữ chính xác, logic, khách quan, khoa học và rõ ràng, mang đặc trưng của ngôn ngữ khoa học. Ngôn ngữ được sử dụng trong báo cáo nghiên cứu đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải thông tin và thuyết phục người đọc.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu mục đích và yêu cầu của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Qua phân tích ví dụ SGK, em hãy cho biết: <i>Để viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội, em cần lưu ý những gì?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, ghi kết quả ra giấy nhớ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi. - HS nhận xét, bổ sung cho nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	d. Tác dụng của tranh minh họa: Giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung của văn bản, tăng tính thẩm mỹ và thu hút người đọc, gây ấn tượng và ghi nhớ thông tin, tạo sự đa dạng và phong phú cho văn bản. e. Tính chất của các tài liệu tham khảo: uy tín, tin cậy; liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu; được xuất bản gần đây; dễ tìm kiếm và truy cập. 2. Yêu cầu của viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội - Giới thiệu được đề tài nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội; nêu được câu hỏi nghiên cứu (vấn đề) chính cần giải quyết. - Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống luận điểm sáng rõ, phù hợp với các dữ liệu đã thu thập. - Thể hiện được cái nhìn toàn cảnh về vấn đề nghiên cứu và quan điểm của người viết. - Biết vận dụng các thao tác nghiên cứu cơ bản, khai thác các nguồn tham khảo đáng tin cậy. - Sử dụng hiệu quả sơ đồ, bảng biểu; có thuyết minh các hình ảnh minh họa; có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo theo đúng quy định.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.
- HS thực hành các bước để viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau: <table border="1" data-bbox="165 1966 635 2054"> <tr> <th>Các bước</th><th>Nội dung</th></tr> </table>	Các bước	Nội dung	II. Thực hành viết Cho đề tài sau: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. 1. Các bước thực hành viết <table border="1" data-bbox="663 1921 1426 2011"> <tr> <th>Các bước</th><th>Nội dung</th></tr> </table>	Các bước	Nội dung
Các bước	Nội dung				
Các bước	Nội dung				

Chuẩn bị viết	Lựa chọn đề tài		
	Thu thập, phân tích, đáng giá thông tin		
	Xây dựng đề cương	Đặt vấn đề	
		Giải quyết vấn đề	
		Kết luận	
Tài liệu tham khảo			
Viết			
Chỉnh sửa, hoàn thiện			
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em viết bài văn hoàn chỉnh. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.			

Chuẩn bị viết	Lựa chọn đề tài	Viết báo cáo nghiên cứu về chủ nghĩa tối giản	
	Thu thập, phân tích, đáng giá thông tin	Đọc tài liệu tham khảo và thu thập thông tin liên quan đến chủ nghĩa tối giản: Bắt nguồn từ đâu? Biểu hiện thế nào? Tác động đến xã hội...	
	Xây dựng đề cương	Đặt vấn đề	Đề cập được vấn đề nghiên cứu: Chủ nghĩa tối giản.
		Giải quyết vấn đề	Các luận điểm được triển khai một cách rõ ràng, có hệ thống, giúp người đọc dễ nắm bắt; trong mỗi luận điểm có thể có nhiều ý với các cấp độ lớn nhỏ khác nhau, cần vạch ra các ý một cách chi tiết trong đề cương. + Thế nào là chủ nghĩa tối giản? + Chủ nghĩa đó được hình thành từ đâu? + Chủ nghĩa tối giản trong cách sống. + Những hiểu lầm về chủ nghĩa tối giản. + Hạn chế và thách thức của chủ nghĩa tối giản.
		Kết luận	Tổng kết kết quả nghiên cứu và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo.
Viết	Tài liệu tham khảo	Ghi tên các tài liệu tham khảo.	
		Trên cơ sở đề cương đã xây dựng, cần triển khai luận điểm thành những đoạn văn,	

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc bài viết trước lớp. - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric.		chú ý đến cách trình bày cú liệu, cách viết câu chủ đề, cách kết nối các đoạn văn với nhau..., người viết cần trình bày được những đặc điểm của vấn đề nghiên cứu và lí giải những đặc điểm đó từ nhiều góc độ.		
	Chính sửa, hoàn thiện	Đọc lại báo cáo, đối chiếu với đề cương để kiểm tra và chỉnh sửa theo yêu cầu:		
		STT	Yêu cầu	Đạt Chưa đạt
		1	Giới thiệu đề tài nghiên cứu, nêu được câu hỏi nghiên cứu.	
		2	Trình bày kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống luận điểm.	
		3	Thể hiện cái nhìn toàn cảnh về vấn đề nghiên cứu và quan điểm của người viết.	
		4	Vận dụng các thao tác nghiên cứu cơ bản, khai thác các nguồn tham khảo đáng tin cậy.	
		5	Sử dụng hiệu quả sơ đồ, bảng biểu; có thuyết minh các hình ảnh minh hoạ; có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo theo đúng quy định.	
2. Thực hành viết Sản phẩm: Bài viết của HS				

Phụ lục 1: RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Báo cáo chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa	Báo cáo đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu.	Báo cáo đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng,

	thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

Phụ lục 2

ĐỀ CƯƠNG THAM KHẢO

CHỦ NGHĨA TỐI GIẢN

1. Đặt vấn đề

Chủ nghĩa tối giản là một trào lưu sống đang được nhiều người lựa chọn, tạo thành phong cách sống của một số thành phần dân cư.

2. Giải quyết vấn đề

2.1 Chủ nghĩa tối giản (Minimalism) là gì?

2.2. Nguồn gốc của Minimalism:

- Thuật ngữ **minimalism** đã xuất hiện từ rất lâu, có thể vào khoảng cách đây 200 năm.
- Ngày nay xu hướng **minimalism** đã trở thành xu hướng chủ đạo. Không chỉ là cuộc sống đơn giản và sự tối giản này còn len lỏi và liên quan đến tất cả các vấn đề trong cuộc sống, đặc biệt là nghệ thuật và âm nhạc. Chủ nghĩa tối giản xuất hiện và ứng dụng rộng rãi trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau như: đồ họa, nhiếp ảnh,

2.3. Chủ nghĩa tối giản trong lối sống (Minimalist Lifestyle)

- Hiểu đơn giản, **chủ nghĩa tối giản** trong lối sống là một công cụ để loại bỏ bản thân khỏi sự thừa thãi của cuộc sống, tập trung vào những gì quan trọng để có thể tìm thấy hạnh phúc, viên mãn và tự do.
- Khi nhắc đến **phong cách sống tối giản** thì người ta đều sẽ nghĩ ngay đến đó là một trong những cách sống của người Nhật. Từ lâu, đối với người Nhật thường sẽ có những luật lệ không khoe khoang của cải và vật chất, hướng đến lối sống giản dị chỉ sử dụng khi thật cần thiết.

2.4. Lợi ích của lối sống theo chủ nghĩa tối giản

- Có con mắt thẩm mỹ tinh tế hơn.
- Không còn mất thời gian quan tâm tới miễn phí, đại hạ giá, hoặc “phòng hờ”.
- Ngừng cho/tặng người khác những thứ họ không cần đến.
- Hiểu rằng hạnh phúc là ở ngay trong cuộc sống thường nhật.
- Tập trung vào những điều có ý nghĩa tích cực.

2.5. Cách để có một lối sống tối giản

- Bỏ bớt những đồ vật không sử dụng.

- Sắp xếp hợp lý, để những đồ thường xuyên sử dụng tại nơi dễ lấy:
- + Lựa chọn nội thất tối giản và tiện ích.
- + Đồng nhất màu sắc của các vật dụng trong nhà.
- + Nếu đồ nhiều có thể sử dụng các kệ lớn rộng âm tường.
- + Phân loại, sắp xếp quần áo theo số lần sử dụng.
- + Tận dụng mọi góc ngách.
- + Tạo thói quen cất đồ gọn gàng.
- Chi tiêu có kế hoạch: Trước khi chi tiêu cho một sản phẩm nào đó bạn hãy tự trả lời câu hỏi sau: Sử dụng trong bao lâu? Có sử dụng thường xuyên? Có nhiều công dụng khác không? Hãy cân nhắc thật cẩn thận trước khi quyết định mua một sản phẩm nào và chi tiêu sao cho hợp lý.
- Duy trì như một thói quen: Hãy có cho mình những kế hoạch dọn dẹp nhà và làm mới không gian sống biến nó trở thành thói quen. Qua đó bạn sẽ cảm thấy sự thay đổi lớn trong cách sống của bạn. Một không gian sống lành mạnh và đơn giản hóa mọi thứ sẽ giúp bạn cảm thấy nhẹ nhàng và hạnh phúc hơn.

2.6. Những hiểu lầm thường gặp về chủ nghĩa tối giản

- Chủ nghĩa tối giản chỉ dành cho những người giàu có.
- Chủ nghĩa tối giản chỉ dành cho những người trẻ, chưa có gia đình.
- Chủ nghĩa tối giản chỉ hợp với “Tây”.
- Tối giản đồng nghĩa với nhàm chán.
- Tối giản là lãng phí, “phải tội”.
- Tối giản là keo kiệt, phá hoại niềm kinh tế.
- Chủ nghĩa tối giản chỉ cần áp dụng một lần duy nhất trong đời.

2.7. Hạn chế và thách thức của Chủ nghĩa tối giản

- Phải giặt đồ thường xuyên.
- Không còn liều “doping” mua sắm.
- Khó để giải thích với những người khác lối sống.
- Cuộc sống có thể vẫn bị đồ đạc chi phối.
- Không biết sử dụng thời gian rảnh hiệu quả.

2.8. Tranh ảnh (nếu có)

3. Kết luận

Sống theo **Chủ nghĩa tối giản** hay không không quan trọng. Điều quan trọng là ta chọn cho mình một phong cách sống để phát triển bản thân cả về nhân cách và trí tuệ, để tìm được bản ngã của mình, để biết rằng mình đang **sống** chứ không chỉ đang **tồn tại**, và để ngày hôm nay sống tốt hơn ngày hôm qua.

4. Tài liệu tham khảo

- 4.1. Chủ nghĩa tối giản (Minimalism) – Thiết kế cuộc sống “ít hơn để được nhiều hơn” (<https://tuhoc.com.vn/chu-nghia-toi-gian-minimalism/>)
- 4.2. Blog The Present Writer

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thiện báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.
- b. Nội dung:** Hoàn thiện báo cáo sau khi đã đối chiếu với các yêu cầu chỉnh sửa.
- c. Sản phẩm:** Báo cáo hoàn thiện của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Hoàn thiện báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội sau khi đã đối chiếu với các yêu cầu chỉnh sửa. Sau khi hoàn thiện, cần kiểm tra lại theo bảng kiểm sau:

STT	Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu đề tài nghiên cứu, nêu được câu hỏi nghiên cứu.		
2	Trình bày kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống luận điểm.		
3	Thể hiện cái nhìn toàn cảnh về vấn đề nghiên cứu và quan điểm của người viết.		
4	Vận dụng các thao tác nghiên cứu cơ bản, khai thác các nguồn tham khảo đáng tin cậy.		
5	Sử dụng hiệu quả sơ đồ, bảng biểu; có thuyết minh các hình ảnh minh họa; có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo theo đúng quy định.		

- Gửi bài cho CLB Truyền thông nhà trường hoặc trang facebook cá nhân.
- Căn cứ đánh giá: Bài được chọn đăng và có số lượt chia sẻ, like nhiều nhất trong tuần đầu tiên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, tổng kết trao giải trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 53, 54

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy nói và nghe:

- Nhận biết được các yêu cầu về nội dung và hình thức của việc trình báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

- Thuyết trình được kết quả nghiên cứu một cách có hệ thống, kết hợp được các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

- Chủ động thực hành các yêu cầu đối với người nói và người nghe, theo đề tài đã được xác định, lựa chọn.

2. Phẩm chất: Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi: http://thptsonduong.tuyenquang.edu.vn/tai-nguyen/video-clip/bai-thi-tranh-luan-ve-chu-de-loi-ich-tac-hai-cua-cong-nghe-so-doan-truong-thpt-son-duong.html Hãy cho biết nội dung của vi deo. Em ấn tượng với phần trình bày của bạn nào? Theo em để trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội có hiệu quả, chúng ta cần làm tốt những khâu nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. Thuyết phục người nghe đồng tình với quan điểm của mình là một nghệ thuật. Để đạt được điều đó, người nói cần rèn các kĩ năng nói và nghe. Khi chúng ta đã viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội, cần làm thế nào để trình bày báo cáo kết quả đó có hiệu quả? Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học ngày hôm nay để các em biết cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội hiệu quả, thuyết phục.	- Tranh biện về lợi ích, tác hại của công nghệ số. - HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân
--	---

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS xác định được yêu cầu và các bước trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Theo dõi SGK tr.152 và chia sẻ: <i>Để trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đạt hiệu quả, thuyết phục, cần lưu ý điều gì?</i>	I. CHUẨN BỊ NÓI 1. Yêu cầu của kiểu bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội Để trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội, cần lưu ý: - Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu và lí do lựa chọn vấn đề đó.

Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ

HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo.
HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức.

***Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Tuỳ tình hình lớp học, GV chia lớp thành nhiều nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 HS).

GV yêu cầu:

- Các nhóm chọn sử dụng kết quả của bài thực hành viết.

- Tìm ý và sắp xếp ý theo bảng:

Vấn đề cần tìm hiểu		Câu trả lời
Chuẩn bị nói		
Thực hành nói	Mở đầu	
	Triển khai	
	Kết luận	
Trao đổi, đánh giá	Người nghe	
	Người nói	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng kiến thức trên giấy A0 hoặc word hoặc PP.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm HS treo bảng kiến thức lên trên bảng hoặc gửi vào zalo nhóm lớp/ padlet.

- GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

- GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước (Thời gian: khoảng 5 phút).

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét phần làm việc các nhóm, chốt kiến thức.

- Trình bày được kết quả nghiên cứu một cách khái quát và có hệ thống.

- Kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.

2. Chuẩn bị các bước trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội**a. Chuẩn bị trình bày**

- Người nói cần xác định rõ mục tiêu: đưa đến cho người nghe một cái nhìn khái quát về nghiên cứu của mình và thu thập được những phản hồi, trao đổi của người nghe về nghiên cứu đó.

- Sắp xếp cách trình bày và thời gian trình bày các luận điểm phù hợp với thời gian thuyết trình, giúp người nghe có một cái nhìn tổng quan về vấn đề. Người nói cần chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ, hỗ trợ cho bài nói để tạo điều kiện thuận lợi cho người nghe trong quá trình tiếp nhận thông tin.

b. Thực hành trình bày

- *Mở đầu*: Giới thiệu ngắn gọn vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề.

- *Triển khai*: Trình bày kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ, chú ý theo dõi sự phản ứng người nghe trong quá trình trình bày và có điều chỉnh nếu cần thiết.

- *Kết luận*: Tóm tắt lại kết quả nghiên cứu, đưa ra đánh giá khái quát, mở rộng, liên hệ,...; bày tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận các trao đổi của người nghe.

c. Trao đổi, đánh giá

Người nghe	Người nói
Nhận xét ngắn gọn về bài trình bày về cả nội dung và hình thức.	Bàn luận về các nhận xét và trả lời câu hỏi của người nghe.
Nêu ý kiến trao đổi, đặt câu hỏi xung quanh vấn đề được thuyết trình.	Xác định hướng tiếp tục hoàn thiện bài báo cáo đã thực hiện.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
- b. Nội dung:** HS trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.
- c. Sản phẩm:** Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài thuyết trình tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục. - HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút. - HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu đánh giá. (Ở BÊN DƯỚI) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS lên trình bày. - HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV tổng hợp nhận xét và đánh giá bài thuyết trình của HS theo phiếu đánh giá ở bên dưới.	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ 1. Thực hành nói Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về chủ nghĩa tối giản. 2. Trao đổi, đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ			
Vấn đề nghiên cứu:.....			
Nhóm nghiên cứu:			
Kết quả nghiên cứu và cách trình bày		Đạt	Chưa đạt
Kết quả nghiên cứu	Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu và lí do lựa chọn đề tài một cách chính xác, tạo hứng thú.		
	Trình bày được kết quả nghiên cứu sáng rõ, có hệ thống.		
	Thể hiện được quan điểm riêng của người trình bày.		
Cách trình bày	Duy trì được việc tương tác với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Sử dụng có hiệu quả các phương tiện hỗ trợ.		

THAM KHẢO BÀI TRÌNH BÀY KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ CHỦ NGHĨA TỐI GIẢN Xin kính chào các thầy, các cô! Xin chào các bạn! Em xin phép được trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về chủ nghĩa tối giản. 1. Đặt vấn đề
--

Chủ nghĩa tối giản là một trào lưu sống đang được nhiều người lựa chọn, tạo thành phong cách sống của một số thành phần dân cư.

2. Giải quyết vấn đề

2.1 Chủ nghĩa tối giản (Minimalism) là gì?

Minimalism dịch theo tiếng anh có nghĩa là tối giản hay còn được gọi là chủ nghĩa tối giản. Minimalism được sử dụng trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau, tuy nhiên chúng đều chỉ chung một ý nghĩa đó là tối giản hoá tất cả các chi tiết đến mức tối đa nhưng vẫn thể hiện được ý nghĩa vốn có ban đầu của sự vật.

2.2. Nguồn gốc của Minimalism

Thực ra thuật ngữ minimalism đã xuất hiện từ rất lâu, có thể vào khoảng cách đây 200 năm 1800-1850: Minimalism không phải thể hiện qua các lĩnh vực liên quan đến nghệ thuật mà chúng xuất phát trong đời sống hàng ngày. Vào thời điểm này, những nhà triết lý cho rằng: sự thấu hiểu và giác ngộ có thể đạt được thông qua sự đơn độc và giản dị. Lúc này chủ nghĩa Minimalism không được công bố hay nhắc đến rõ ràng, nhưng đây là nguồn gốc để thuật ngữ này phát triển mạnh vào thời gian sau.

Ngày nay xu hướng minimalism đã trở thành xu hướng chủ đạo. Không chỉ là cuộc sống đơn giản và sự tối giản này còn len lỏi và liên quan đến tất cả các vấn đề trong cuộc sống, đặc biệt là nghệ thuật và âm nhạc.

Chủ nghĩa tối giản xuất hiện và ứng dụng rộng rãi trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau như: đồ họa, nhiếp ảnh, thời trang, nội thất,...

2.3. Chủ nghĩa tối giản trong lối sống (Minimalist Lifestyle)

Chủ nghĩa tối giản là chỉ sở hữu những gì làm tăng thêm giá trị và ý nghĩa cho cuộc sống của bạn (cũng như những người bạn quan tâm) và loại bỏ phần còn lại. Đó là việc loại bỏ sự lộn xộn, sử dụng thời gian và năng lượng cho những thứ thực sự quan trọng. Mỗi người chỉ có một nguồn năng lượng, thời gian và không gian nhất định. Vì vậy phải tận dụng tối đa nó, có chủ ý về cách chúng ta đang sống mỗi ngày.

Hiểu đơn giản, chủ nghĩa tối giản trong lối sống là một công cụ để loại bỏ bản thân khỏi sự thừa thãi của cuộc sống, tập trung vào những gì quan trọng để có thể tìm thấy hạnh phúc, viên mãn và tự do. Khi nhắc đến phong cách sống tối giản thì người ta đều sẽ nghĩ ngay đến đó là một trong những cách sống của người Nhật.

Sự đơn giản hoá trong lối sống sẽ giúp chúng ta bỏ bớt đi được phiền muộn, luôn hướng đến sự tích cực và cảm nhận mọi việc một cách lạc quan hơn.

2.4. Lợi ích của lối sống theo chủ nghĩa tối giản vô cùng to lớn. Nó giúp con người:

Có con mắt thẩm mỹ tinh tế hơn; không còn mất thời gian quan tâm tới miễn phí, đại hạ giá, hoặc “phòng hờ”; ngừng cho/tặng người khác những thứ họ không cần đến; hiểu rằng hạnh phúc là ở ngay trong cuộc sống thường nhật và tập trung vào những điều có ý nghĩa tích cực. Nhưng khi sống theo Chủ nghĩa tối giản, chúng ta sẽ bắt đầu suy nghĩ kỹ hơn về những tư duy, con người, và sự việc nào thực sự đem lại ý nghĩa tích cực cho cuộc sống của chính chúng ta. Có thể tối giản đi cuộc sống sẽ làm ta bớt “hoàn hảo” đi trong mắt một số người nhưng quan trọng hơn, nó khiến ta trở nên hạnh phúc hơn.

2.5. Cách để có một lối sống tối giản: Có nhiều cách để hình thành lối sống tối giản. Đó là bỏ bớt những đồ vật không sử dụng, sắp xếp hợp lý, để những đồ thường xuyên sử dụng tại nơi dễ lấy, chẳng hạn như: Lựa chọn nội thất tối giản và tiện ích, đồng nhất màu sắc của các

vật dụng trong nhà, nếu đồ nhiều có thể sử dụng các kệ lớn rộng âm tường, phân loại, sắp xếp quần áo theo số lần sử dụng, tận dụng mọi góc ngách và tạo thói quen cất đồ gọn gàng. Đồng thời cần chi tiêu có kế hoạch. Trước khi chi tiêu cho một sản phẩm nào đó bạn hãy tự trả lời câu hỏi sau: Sử dụng trong bao lâu? Có sử dụng thường xuyên? Có nhiều công dụng khác không? Hãy cân nhắc thật kỹ. Cuối cùng là duy trì như một thói quen - tạo cho mình những kế hoạch dọn dẹp nhà và làm mới không gian sống biến nó trở thành thói quen. Qua đó bạn sẽ cảm thấy sự thay đổi lớn trong cách sống của bạn. Một không gian sống lành mạnh và đơn giản hóa mọi thứ sẽ giúp bạn cảm thấy nhẹ nhàng và hạnh phúc hơn.

2.6. Những hiểu lầm thường gặp về chủ nghĩa tối giản: Cũng như mọi loại hình chủ nghĩa, học thuyết đi ngược lại với “cái chuẩn” của số đông khác, Chủ nghĩa tối giản đến cùng với rất nhiều câu hỏi, ngờ vực, chỉ trích, và lo sợ. Nỗi sợ phải thay đổi là rất thật, nhất là khi ta không có đầy đủ thông tin về Chủ nghĩa tối giản và khó đoán biết được lối sống mới này sẽ thay đổi cuộc sống của ta như thế nào trước khi bước vào trải nghiệm thực tế. Mọi người thường hiểu rằng: Chủ nghĩa tối giản chỉ dành cho những người giàu có, chỉ dành cho những người trẻ, chưa có gia đình, chỉ hợp với “Tây”; tối giản đồng nghĩa với nhàm chán, tối giản là lãng phí, “phải tội”, là keo kiệt, phá hoại niềm kinh tế và chủ nghĩa tối giản chỉ cần áp dụng một lần duy nhất trong đời. Sống theo Chủ nghĩa tối giản là cả một hành trình và có thể cuộc hành trình này sẽ không có hồi kết. Nhưng đó có lẽ đây lại là điểm thú vị nhất của phong cách sống này. Còn có gì vui hơn khi mỗi ngày chúng ta lại nhắc bản thân là mình còn nhiều điều cần học, rằng tri thức con người thật bao la, bát ngát, và rằng cuộc sống hiện tại của ta còn có thể tốt đẹp hơn nữa, mỗi ngày, và mỗi ngày...

2.7. Hạn chế và thách thức của chủ nghĩa tối giản

Phải giặt đồ thường xuyên, không còn liều “doping” mua sắm, khó để giải thích với những người khác lối sống, cuộc sống có thể vẫn bị đồ đạc chi phối, không biết sử dụng thời gian rảnh hiệu quả. Sau một thời gian áp dụng tư duy tối giản vào mọi mặt của cuộc sống, bạn sẽ bỗng chốc cảm thấy mình có thêm nhiều thời gian rảnh. Và điều này có thể sẽ rất “có vấn đề”. Ví dụ như trước đây buổi sáng cuống cuống nhảy ra nhảy vào nhà tắm, lặn ngụp trong đống quần áo chất như núi mà vẫn “không biết mặc cái gì”, rồi định trang điểm cũng không tìm đâu ra cây cọ chuẩn trong số hàng chục cây hỏng mà không vứt... mất đứt một tiếng rửa đồng hồ. Bây giờ tất cả các công đoạn trên chỉ mất chừng 15-30 phút vì thời gian tắm rửa đã đi vào nếp, mặc quần gì áo gì chỉ liếc qua là biết, trang điểm cũng nhanh hơn, các bước thao tác nhanh gọn, tối giản. Vậy hơn một tiếng dỗi dư ra nên làm gì? Đó chỉ là buổi sáng, nếu áp dụng tư duy tối giản vào công việc, tập trung cao độ để đạt hiệu quả cao nhất, bạn sẽ còn dỗi dư ra thêm nhiều thời gian nữa. Đột xuất trở nên “nhàn” cũng sẽ khiến ta lúng túng. Từ đó dễ sa đà vào điện thoại, máy tính, mạng xã hội, chơi game online... dẫn đến tốn nhiều thời gian hơn và có thể càng ngày càng lười hơn nữa.

3. Kết luận: Sống theo chủ nghĩa tối giản hay không không quan trọng. Điều quan trọng là ta chọn cho mình một phong cách sống để phát triển bản thân cả về nhân cách và trí tuệ, để tìm được bản ngã của mình, để biết rằng mình đang *sống* chứ không chỉ đang *tồn tại*, và để ngày hôm nay sống tốt hơn ngày hôm qua.

Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài thuyết trình! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Sáng tác video trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

c. Sản phẩm: Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

+ Chọn 01 đề tài tự nhiên hoặc xã hội.

+ Viết báo cáo nghiên cứu vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đã chọn.

+ Sáng tác 01 video trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

Video đảm bảo yêu cầu sau:

++ Có tên trường, tên lớp, vấn đề trình bày, tên các thành viên.

++ Trong quá trình giới thiệu phải có sự xuất hiện của 01 hoặc một vài thành viên trong nhóm.

+ Chọn 01 video (trừ video của nhóm mình) xem và bổ sung thêm thông tin, cách hiểu về vấn đề hoặc đặt ra những câu hỏi, những vấn đề cần thảo luận.

- Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp.

+ Thời gian: 01 tuần sau bài học.

+ Sản phẩm: 01 video giới thiệu, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên.

+ Cách thức nộp: Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV có thể trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS theo **Phiếu đánh giá** và kết luận.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ				
Phần	Tiêu chí	Nội dung	Đạt	Chưa đạt
Nội dung bài trình bày báo cáo	Cấu trúc	Bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.		
		Cấu trúc bài nói đúng, đủ theo yêu cầu bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.		
	Lập luận	Khẳng định được quan điểm của bản thân về vấn đề.		

		Hệ thống luận điểm được sắp xếp hợp lí, liên kết chặt chẽ.		
		Đưa ra được những lí lẽ logic, thuyết phục.		
		Có dẫn chứng xác thực, phù hợp, phân tích dẫn chứng đúng hướng.		
		Thể hiện quan điểm, cách nhận xét, đánh giá mới mẻ, thuyết phục về vấn đề nghiên cứu		
	Diễn đạt	Vốn từ phong phú.		
		Diễn đạt trong sáng, mạch lạc.		
		Sử dụng từ ngữ chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết chặt chẽ cho bài trình bày.		
		Bài báo cáo có điểm nhấn, có cách diễn đạt sáng tạo, độc đáo.		
Hình thức bài trình bày báo cáo	Phong cách trình bày	Sử dụng hiệu quả ngôn ngữ hình thể, biết giao tiếp bằng mắt với người nghe,...		
		Sử dụng ngữ điệu một cách phù hợp: nhấn mạnh, lên giọng, xuống giọng khi cần thiết.		
		Có phong thái tự tin, cuốn hút.		
		Có sự tương tác với người nghe, sẵn sàng tiếp thu các ý kiến phản hồi của người nghe.		
	Slide minh họa	Trình bày khoa học, logic hệ thống ý.		
		Sử dụng linh hoạt các hình ảnh, video clip,... minh họa, phù hợp với nội dung trình bày.		
		Font chữ, cỡ chữ dễ nhìn, dễ theo dõi.		
		Thiết kế phần trình chiếu minh họa sáng tạo, giàu tính thẩm mỹ.		
	Thời lượng	Đảm bảo thời lượng hợp lí: 5-6 phút, phân bổ thời lượng thuyết trình hợp lí.		

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (Cả bài 5)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1 (trang 153 sgk Ngữ văn 12 Tập 1): Tổng hợp và đối chiếu các thông tin cơ bản về hai văn bản hài kịch đã được học trong bài theo các gợi ý sau: nhân vật, xung đột, tình huống, hành động, kết cấu, thủ pháp trào phúng, ngôn từ (có thể lập bảng).

Câu 2 (trang 153 sgk Ngữ văn 12 Tập 1): Thảo luận về đề tài: Theo bạn, điều gì làm nên sức sống của một vở hài kịch qua các thời đại khác nhau và trong các bối cảnh tiếp nhận khác nhau?

Câu 3 (trang 153 sgk Ngữ văn 12 Tập 1): Tìm đọc thêm một số vở hài kịch; nêu nhận xét khái quát về nét đặc sắc nghệ thuật của từng vở hài kịch đã đọc.

Câu 4 (trang 153 sgk Ngữ văn 12 Tập 1): Xác định một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội có tính tổng hợp, khái quát; thu thập tài liệu, lập đề cương và trao đổi kết quả chuẩn bị trong nhóm học tập.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.

- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Thông tin cơ bản về hai văn bản hài kịch đã học:

Yếu tố	Nhân vật quan trọng (Quan Thanh tra)	Giấu của (Quần)	Đối chiếu
Nhân vật	Khơ-lét-xta-cốp, thị trưởng, địa chủ,...	Ông bà Đại Cát, U Chinh,...	Vì là kịch nên cả hai tác phẩm đều có khối lượng nhân vật đồ sộ, đông đảo.
Xung đột	Xung đột giữa các tầng lớp giai cấp với nhau	Xung đột mẫu thuẫn trong gia đình: Mẫu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất với những chuẩn mực và xu thế xã hội.	Câu chuyện trong “Nhân vật quan trọng” mang tính chất xã hội nhiều hơn còn câu chuyện “Giấu của” thiên về gia đình và tâm lí nội tâm.
Tình huống	Một viên quan nghèo đói, chẳng tài cán gì được mọi người nhận nhầm là quan thanh tra nên xun xoe, nịnh nọt.	Gia đình ông bà Đại Cát với những câu chuyện giấu của phòng thân.	Cả hai câu chuyện đều có sự phi lí, hoang đường nhất định.

Câu 2. Theo em, tính nhân văn, tính hài hước và tính nghệ thuật chính là sức sống để làm nên những vở hài kịch qua từng thời đại. Mỗi một thời đại đều có những nỗi đau đớn khác nhau, từ niềm vui và sự hài hước có thể đưa ra được nỗi niềm đau khổ sâu bên trong.

Câu 3. Hướng dẫn HS đọc các trích đoạn sau: “Thực thi công lí” (Trích “*Người lái buôn thành Vơ-li-e*” của Sếch-xpia); “Loạn đến nơi rồi” (Trích “*Mùa hè ở biển*” của Xuân Trình)

Đặc sắc nghệ thuật

* “**Thực thi công lí**” (Trích “*Người lái buôn thành Vơ-li-e*” của Sếch-xpia)

- Tình huống kịch độc đáo: Poóc-xi-a cùng người hầu gái cải trang thành tiên sĩ luật đến phiên toà để cứu An-tô-ni-ô.

- Nhân vật hài kịch Sai-lốc với những lời thoại và hành động gây tiếng cười.
- + Các lời đối thoại mang nội dung đối nghịch để vừa tạo tiếng cười vừa thể hiện tính cách trái ngược nhau của nhân vật trong đoạn trích: Sai - lốc một thương gia mưu mẹo, tham lam; Poóc-xi-a: đầy bản lĩnh, tự tin, thông minh...
- + Cấu trúc đối thoại: Thăm dò - lảng tránh: Từ “Poóc-xi-a: Tên ông có phải là Sai-lốc không?” đến “Tôi khẳng định một mực yêu cầu theo đúng văn khế”
- + Cấu trúc đối thoại: Thuyết phục - phản đối; Chấp thuận - tán thưởng: Từ “An-tô-ni-ô: Tôi khẩn cầu tòa tuyên án đi cho.” đến “Nào, anh, chuẩn bị đi.”
- + Cấu trúc đối thoại: Tấn công, luận tội - Xuống nước, đầu hàng: Từ “Poóc-xi-a: Khoan đã, chưa hết.” đến hết.

*** “Loạn đến nơi rồi” (Trích “Mùa hè ở biển” của Xuân Trình)**

- Nghệ thuật xây dựng tình huống: Ông Đoàn Xoa về thăm làng và nhận thấy có nhiều sự thay đổi tích cực. Ông phát hiện ra cả xã đã bí mật thực hiện khoán chui. Trước sự thật đó, ông không chấp nhận được và muốn báo lên trung ương.
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật hài kịch
- Nhân vật Đoàn Xoa là người có lối suy nghĩ của người duy tâm, không nhìn nhận vào thực tế cuộc sống nên có cái nhìn hạn hẹp, đi trái với tự nhiên về việc vấn đề xã hội.
- Đó còn là người có lối tư duy duy ý chí, trái với quy luật phát triển tự nhiên, non kém về kiến thức, không nắm bắt khoa học kỹ thuật phát triển vì thế đã vô tình trở thành bước cản làm chậm tiến độ phát triển của xã hội.
- Chi tiết phát hiện việc bán cá chui ở bãi biển là cần thiết, không thể thiếu trong việc thể hiện tính cách của nhân vật Đoàn Xoa. Thể hiện sự cứng nhắc, lối suy nghĩ bảo thủ của ông Đoàn Xoa. Ông cho rằng người dân phải làm việc lý tưởng chứ không nên vì miếng ăn, phải xây dựng cho tổ quốc vì đất nước còn nghèo. Tầm nhìn hạn hẹp, lỗi thời, trái với quy luật tự nhiên của ông Xoa.
- > Nhân vật Đoàn Xoa: một người thương yêu đồng chí bạn bè, vợ con hết mực, một người cán bộ luôn muốn xây dựng đất nước phát triển xóa đói giảm nghèo nhưng lại coi trọng nguyên tắc, cứng nhắc, tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, lỗi thời.
- > Nhân vật Đoàn Xoa trở thành đối tượng bị châm biếm.
- Sử dụng thành công ngôn ngữ đối thoại và chỉ dẫn sân khấu.

Câu 4.

- Lựa chọn vấn đề:
 - + Vấn đề tự nhiên hoặc xã hội có tính tổng hợp, khái quát.
 - + Vấn đề phù hợp với khả năng nghiên cứu của nhóm.
 - + Vấn đề có tính thời sự, thu hút sự quan tâm.
- Thu thập tài liệu:
 - + Lựa chọn nguồn tài liệu:
 - ++ Sách, báo, tạp chí khoa học.
 - ++ Website, kho dữ liệu uy tín.
 - ++ Bài báo khoa học, luận văn, luận án.
 - + Kỹ thuật thu thập tài liệu: Ghi chép tóm tắt nội dung chính; đánh dấu các thông tin quan trọng; trích dẫn nguồn tài liệu rõ ràng.
- Lập đề cương.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài: Ôn tập cuối học kì I.**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....